



KỀ VAI SÁT CÁNH



BÁO CÁO | THƯỜNG NIÊN | **2019**



THÔNG TIN CHUNG	04
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	26
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	66
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	80
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	92
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	102
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	114

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các nhân tố rủi ro

01





Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM
Tên Tiếng anh	VIETNAM SUN CORPORATION
Tên giao dịch	Vinasun Corporation
Mã cổ phiếu	VNS
Vốn điều lệ	678.591.920.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	1.695.185.872.733 đồng
Trụ sở chính	648 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	(028) 38 277 178
Fax	(028) 39 526 410
Website	vinasuncorp.com
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 07 tháng 05 năm 2018

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Lữ hành Tư Vấn Đầu Tư Ánh Dương Việt Nam, được thành lập vào ngày 15/6/1995, với vốn điều lệ là 300 triệu đồng.

2003

Dịch vụ Taxi được chính thức đưa vào hoạt động với thương hiệu **VINASUN TAXI** ngày 27/01/2003;

Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Ánh Dương Việt Nam với vốn điều lệ là 8 tỷ đồng ngày 17/07/2003.

2006

Công ty tăng vốn điều lệ lên 16 tỷ đồng để đầu tư thêm xe mới cho hoạt động dịch vụ Taxi ngày 25/05/2006;

Thành lập chi nhánh Bình Dương ngày 15/09/2006.

2007

Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 170 tỷ để đầu tư vào xe kinh doanh và các dự án bất động sản của Công ty.

2009

2009

Ngày 28/10/2009, Công ty phát hành thêm 3 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 170 tỷ lên 200 tỷ;

Ngày 13/10/2009, Vinasun đạt thương hiệu taxi hàng đầu được người tiêu dùng bình chọn.

2010

Ngày 01/01/2010, Vinasun thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu mới;

Ngày 21/08/2010, Khai trương chi nhánh Vinasun Taxi tại thành phố biển Vũng Tàu;

Ngày 12/12/2010, Khai trương Vinasun Green taxi tại thành phố Đà Nẵng.

2006

2008

Vinasun đã trở thành 1 trong những hãng taxi sở hữu số đầu xe lớn nhất TP.HCM với 55 đội xe và 6.196 tài xế;

Mở rộng thêm địa điểm hoạt động ở Đồng Nai, ngoài 1.300 điểm tiếp thị tại TP.HCM.

2007

2008

2012

2012

Công ty trang bị và hoàn thiện hệ thống thanh toán online;

Tổng lượng xe vào cuối năm 2012 là 4.622.

2013

Tháng 06/2013, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 404.998.180.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thường từ nguồn vốn thặng dư của Công ty;

Tháng 12/2013, Công ty phát hành thêm 30 tỷ đồng mệnh giá cho nhà đầu tư lớn, tăng vốn điều lệ lên thành 434.998.180.000 đồng;

2014

2014

Vốn điều lệ tăng lên 565.495.160.000 đồng từ việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

Vinasun taxi khai trương Chi nhánh Khánh Hòa;

2015

Tháng 05/2015, Vinasun chính thức ra mắt phần mềm ứng dụng gọi xe Vinasun Taxi – Vinasun App, với mong muốn đem đến một tiện ích đặt taxi một cách dễ dàng, thuận lợi và an toàn nhất cho khách hàng;

Tháng 06/2015, Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên 678.591.920.000 đồng. Tại thời điểm này, vốn điều lệ gấp 85 lần lúc thành lập năm 2003;

Đến cuối năm 2015, Công ty đã phát triển đội xe của mình lên 6.141 chiếc.

2019

2017

2013

2015

2017

Triển khai đồng loạt các địa bàn kinh doanh mới: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Thuận, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Bình Phước, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế. Thực hiện mô hình nhượng quyền.

2018

Triển khai đồng loạt các địa bàn kinh doanh mới : Đắk Lắk, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Tây Ninh. Thực hiện mô hình hợp tác kinh doanh.

2019

Triển khai địa bàn kinh doanh mới: Hà Nội;

Tạm dừng các chi nhánh: Đắk Lắk, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Tây Ninh, An Giang, Bình Phước, Cần Thơ.

2018

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (tiếp theo)

CÁC THÀNH TÍCH NỔI BẬT



NĂM 2015



**HÃNG DU LỊCH
VẬN CHUYỂN HÀNG ĐẦU**

**TOP 50 CÔNG TY
NIÊM YẾT TỐT NHẤT**

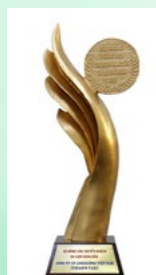
NĂM 2016



**TOP 50 CÔNG TY
KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM**

**DOANH NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TIÊU BIỂU**

NĂM 2017



**TOP 10 HÃNG VẬN CHUYỂN DU LỊCH
HÀNG ĐẦU**

NĂM 2018



**UBND TP.HCM KHEN TẶNG DOANH NGHIỆP
ĐẠT GIẢI THƯỞNG VỀ DU LỊCH NHIỀU**

DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

DOANH NGHIỆP TP.HCM TIÊU BIỂU

NĂM 2019



**TOP 500 DOANH NGHIỆP
LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM 2019**

TOP 10 DỊCH VỤ CHẤT LƯỢNG VÀNG

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TIÊU BIỂU TP.HCM

**HUÂN CHƯƠNG
LAO ĐỘNG HẠNG 3**



**BẰNG KHEN CỦA
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

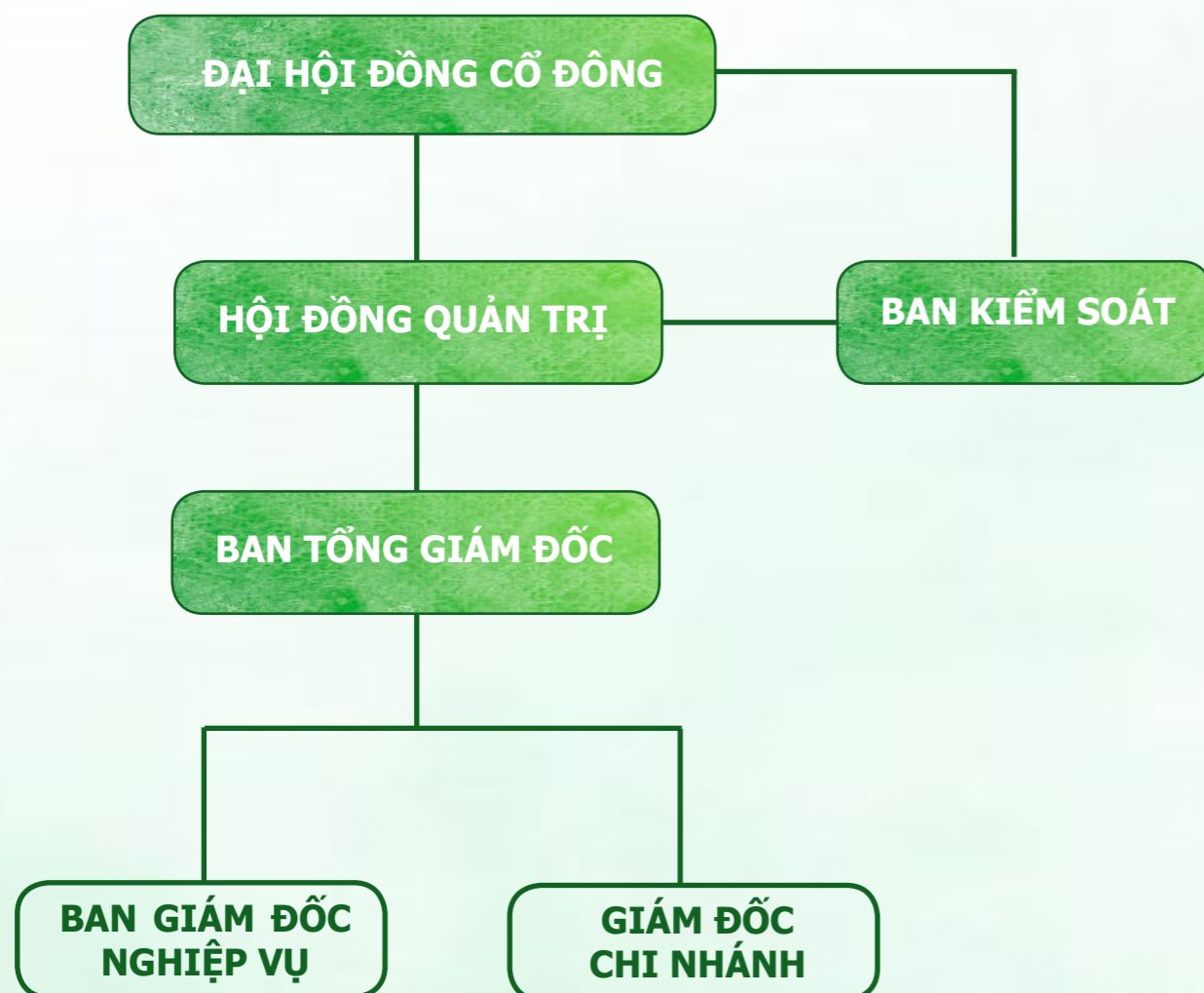


ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động tại **khắp các trung tâm kinh tế - văn hóa và du lịch của cả nước**, với các chi nhánh tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Khánh Hòa, Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Phú Yên, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



CÔNG TY CON

Công ty cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (Vinasun Green) tại Đà Nẵng

- Vốn điều lệ: 40 tỷ;
- Tỷ lệ sở hữu: 90%;
- Kinh doanh chính: Dịch vụ Taxi.

CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY

- 1 8 Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh;
- 2 Chi nhánh Vũng Tàu;
- 3 Chi nhánh Bình Dương;
- 4 Chi nhánh Đồng Nai;
- 5 Chi nhánh Khánh Hòa;
- 6 Chi nhánh Quảng Ngãi;
- 7 Chi nhánh Bình Thuận;
- 8 Chi nhánh Kiên Giang;
- 9 Chi nhánh Vĩnh Long;
- 10 Chi nhánh Đồng Tháp;
- 11 Chi nhánh Phú Yên;
- 12 Chi nhánh Hà Nội.



TẦM NHÌN

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Vinasun đã xác định con đường phát triển của mình dựa trên sự hợp tác vững mạnh, dài lâu và bền vững, cộng với trí tuệ của bộ máy điều hành là nền tảng của hệ thống. Đây là những yếu tố cốt lõi để Vinasun mở rộng phát triển để trở thành tập đoàn hùng mạnh trong tương lai. Ở Vinasun, chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển như là một “công dân” của sự phát triển tốt nhất toàn cầu.



SỨ MỆNH

Vinasun luôn tìm kiếm và tạo ra những giá trị bằng cách cung cấp các dịch vụ khách hàng tốt nhất, thỏa mãn khách hàng cao nhất. Thông qua sứ mệnh này, chúng tôi hướng đến sự phát triển, mang đến những lợi ích, ấp ủ sự thành công không những cho những nhà đầu tư, cổ đông, những đối tác mà còn cho toàn bộ những mối quan hệ trong mắc xích giá trị trên toàn thế giới.



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Đối với khách hàng

Mang lại các dịch vụ tốt nhất nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của khách hàng, hướng tới sự tin tưởng và tin yêu của khách hàng thông qua chất lượng dịch vụ

Đối với cán bộ, công nhân viên

Mỗi thành viên trong công ty là một giá trị và Vinasun là môi trường để gia tăng giá trị

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

01

Tiếp tục tập trung vào ngành nghề chính: Dịch vụ vận tải Taxi, du lịch;

02

Củng cố, giữ vững tại các địa bàn kinh doanh sẵn có và gia tăng thị phần tại các thị trường mới;

03

Tái cấu trúc công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả đảm bảo khả năng cơ động trong việc đa dạng hóa các loại hình kinh doanh và phương thức kinh doanh;

04

Xây dựng và phát triển văn hoá doanh nghiệp: Văn minh – Lịch sự – Chuyên nghiệp;

05

Nâng cao chất lượng dịch vụ: thường xuyên thay thế xe mới phù hợp với thị hiếu của khách hàng, thiết lập các tiện ích trên xe như LCD, hệ thống thanh toán Online, áp dụng hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều hành xe tự động thông qua ứng dụng trên smartphone.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



Rủi ro biến động giá xăng dầu

Kinh doanh ở lĩnh vực vận tải nói chung và loại hình taxi nói riêng thì giá xăng dầu là một trong những nhân tố lớn tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể, nếu giá xăng, dầu tăng sẽ khiến chi phí nhiên liệu tăng theo, tức là làm tăng giá vốn của các hãng vận tải, trong đó có Vinasun.

Về nguyên tắc, Công ty có thể chuyển ảnh hưởng giá nhiên liệu vào giá cước, nhưng trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt với các hãng taxi công nghệ, việc điều chỉnh giá cước là không dễ dàng. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh cước phí đối với các hãng taxi chính thống tốn kém cả về chi phí lẫn thời gian do phải trải qua nhiều công đoạn: xe phải nghỉ một buổi, đến cơ quan chức năng điều chỉnh đồng hồ, thay bảng thông báo giá dán trên xe,...

Giá dầu năm 2019 tuy biến động tăng giảm thường xuyên nhưng nhìn chung mức độ biến động không lớn. Trong nửa đầu năm 2019, giá dầu có xu hướng tăng do những căng thẳng leo thang tại eo biển Hormuz giữa Iran và Mỹ, đạt mức 72 USD/thùng vào tháng 05/2019. Tuy nhiên, nửa cuối năm 2019, giá dầu bắt đầu sụt giảm xuống mức 62 – 65 USD/thùng do ảnh hưởng của những cuộc tấn công bằng máy bay không người lái vào cơ sở sản xuất dầu Abqaiq và Khurais khiến nguồn cung dầu của Ả rập Xê út giảm mạnh đột ngột, kết hợp với cuộc chiến thương mại giữa Mỹ - Trung cũng đẩy giá dầu tụt giảm do lo ngại nền kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục suy yếu nếu các vấn đề thương mại không được giải quyết.

Nhìn đến năm 2020, giá xăng dầu được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà giảm mạnh do sự bất ổn và tăng trưởng chậm lại của nhiều nền kinh tế lớn cũng như tình hình dịch bệnh kéo dài khiến sức tiêu thụ dầu giảm, dư thừa công suất chứa dầu. Điều này sẽ là một điểm tích cực đối với chi phí đầu vào của Công ty.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO (tiếp theo)



Rủi ro pháp luật

Bất cứ doanh nghiệp nào trong thị trường cũng chịu sự chi phối của Pháp luật Việt Nam, điển hình là Luật Doanh nghiệp, Luật thuế, Luật cạnh tranh, Luật môi trường,... Bên cạnh đó, Vinasun hiện đang niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty cũng phải chịu sự quản lý của Luật Chứng khoán, quy định tại Sở và cơ quan ban ngành có liên quan.

Ngoài ra, kinh doanh vận tải hành khách taxi là ngành phải chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước như Nghị định 46/2016/NĐ-CP, Nghị định 10/2020/NĐ-CP,... Ngoài việc đăng ký kinh doanh vận tải hành khách thì các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ taxi phải gắn phù hiệu, hộp đèn, đồng hồ tính tiền cước,...



Các văn bản pháp luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Bất cứ một thay đổi nào trong các quy định trên đều sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Vì vậy, Công ty đã luôn chủ động cập nhật quy định luật pháp, hoàn thiện hệ thống quản lý và từ đó đưa ra các kế hoạch phù hợp, hạn chế các tác động tiêu cực đến sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.



Rủi ro cạnh tranh

Trong ngành kinh doanh vận tải hành khách taxi, khả năng gia tăng đội xe để chiếm lĩnh thị phần là rất quan trọng. Các hãng taxi đều đang tăng tốc đẩy mạnh đội xe để gia tăng độ phủ của mình, gây áp lực lên việc giữ vững thị phần khách hàng của Vinasun.

Hơn nữa, sự tham gia của các hãng taxi công nghệ cũng đã gây không ít áp lực đối với Công ty. Theo đó, các hãng taxi công nghệ đã tận dụng ưu thế về mặt tài chính để khuyến mãi, giành khách hàng bằng mọi giá với việc áp dụng giá cước thấp hơn giá thành, đã tác động mạnh đến sự chọn lựa của người tiêu dùng.



Trong bối cảnh chịu áp lực cạnh tranh gay gắt với những hãng taxi công nghệ, Vinasun đã nỗ lực cải tổ, tái cấu trúc để thích nghi với cuộc chơi mới, chuyển mô hình từ quản lý xe sang hợp tác thương quyền, nhượng quyền với tài xế, tăng cường tìm kiếm các khách hàng quảng cáo nhằm tối đa nguồn thu cho Công ty.

Vinasun cũng đã và đang đẩy mạnh ứng dụng gọi xe Vinasun App với nhiều tính năng: kết nối người sử dụng với tài xế gần nhất, cung cấp thông tin ước tính về cước phí cho một quãng đường, thời gian chờ, theo dõi lộ trình xe, biển số xe, tên và hình ảnh tài xế,... Vinasun App còn chấp nhận tất cả các hình thức thanh toán như thẻ Visa, Master Card, thẻ ATM, thẻ đồng thương hiệu Vinasun, tiền mặt hoặc coupon để tạo ra sự tiện lợi và thoải mái nhất cho khách hàng, từ đó tăng vị thế cạnh tranh của Công ty.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO (tiếp theo)



Rủi ro phương tiện thay thế

Ngoài việc sử dụng dịch vụ taxi, có rất nhiều loại hình khác để người dân sử dụng vào mục đích vận chuyển, di chuyển. Mỗi loại hình lại có những ưu nhược điểm riêng.

Đặc biệt với dự án tàu điện ngầm Metro, theo thông tin từ Ban Quản lý Đường sắt đô thị TPHCM, tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên đang được gấp rút hoàn thành, dự kiến sẽ vận hành thử cuối năm 2020 và đưa vào khai thác năm 2021.

Tàu điện được dự đoán sẽ làm thay đổi nhận thức di chuyển của người dân nhờ vào chi phí thấp, tốc độ nhanh, giảm ùn tắc và giảm ô nhiễm môi trường. Điều này sẽ có thể gây ảnh hưởng lớn đến lượng khách hàng của Công ty. Vì vậy, Vinasun sẽ phải tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, không ngừng thực hiện các chiến lược đổi mới nhằm truyền thông cho khách hàng nên lựa chọn taxi thay vì các dịch vụ thay thế khác.



Rủi ro khác

Bên cạnh ngành nghề kinh doanh chính là dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, Công ty còn kinh doanh qua hai phương thức là nhượng quyền khai thác thương mại và hợp tác kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi. Rủi ro của hai phương thức này đến từ đối tác tự hủy ngang hợp đồng hợp tác, chuyển nhượng. Để giảm trường hợp bị hủy ngang hợp đồng Công ty thường sử dụng các biện pháp như phải cọc tiền trước, yêu cầu mức phí phạt cao khi hủy ngang hợp đồng.

Bên cạnh đó, chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh, thiên tai khu vực cũng là những rủi ro cho Công ty. Những rủi ro bất khả kháng này tuy có tần suất xảy ra thấp nhưng lại gây ra thiệt hại rất lớn về nhân sự cũng như tài sản Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo luôn cập nhật tin tức, tình hình thời tiết, chính trị xã hội để giảm thiểu tổn thất kết hợp mua bảo hiểm đầy đủ, thực hiện các biện pháp phòng cháy để hạn chế tối đa về thiệt hại.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



#đườngxamônngã
ĐÃ CÓ **VINASUN**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% Năm 2019/ Năm 2018
1	Doanh thu thuần	1.991	2.073	96%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	46,7	10	467%
3	Lợi nhuận khác	92,3	105	88%
4	Lợi nhuận trước thuế	139	115	121%
5	Lợi nhuận sau thuế	108,7	89	122%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.591	1.279	124%

Năm 2019, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.991 tỷ đồng, đạt 96% so với năm 2018. Nguyên nhân doanh thu trong năm giảm chủ yếu đến từ sự cạnh tranh gay gắt của các hãng xe công nghệ với các chính sách khuyến mãi, tài trợ cho chủ xe, lái xe.

Nhờ vào giá vốn dịch vụ giảm cùng với việc tiết giảm hiệu quả chi phí lãi vay và chi phí bán hàng, kết hợp với nguồn thu nhập phụ trợ từ quảng cáo và thanh lý xe vẫn duy trì ổn định giúp các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty đã đạt được mức tăng trưởng ấn tượng.

Theo đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 46,7 tỷ, gấp hơn 4 lần con số của năm 2018. Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 139 tỷ, tăng 21% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 108,7 tỷ, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Đây là kết quả đáng ghi nhận cho một năm đầy nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo Công ty.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỀ RA

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	%Thực hiện/ Kế hoạch 2019
Doanh thu từ Hoạt động kinh doanh Vinasun Corp	1.751	1.895	92%
Doanh thu từ Hoạt động kinh doanh Vinasun Green	240	245	98%
Tổng Doanh thu Kinh doanh	1.991	2.140	93%
- Thu nhập khác (từ thanh lý & thu nhập khác)	92,3	90,5	102%
Tổng Lợi nhuận trước thuế	139	124,5	112%
- Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh	46,7	77,1	61%
- Lợi nhuận trước thuế từ thu nhập khác	92,3	47,4	195%
Tổng Lợi nhuận sau thuế	108,7	99,6	109%
Số xe đầu tư	586	320	183%
Số xe thanh lý	1.474	295	500%

Tổng doanh thu kinh doanh của Công ty năm 2019 là 1.991 tỷ đồng, chỉ đạt 93% so với kế hoạch đã đề ra do tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường dịch vụ taxi.

Tuy nhiên, nhờ vào quản trị hiệu quả chi phí cùng với việc tăng thu nhập từ mảng quảng cáo và thanh lý xe cũ nên lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 108,7 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch đề ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

CƠ CẤU DOANH THU

ĐVT: Tỷ đồng

Khoản mục	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2018
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	1.728	1.777	86,76%	85,71%
Doanh thu từ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	240,6	271,6	12,08%	13,10%
Khác	23	24,6	1,15%	1,18%
Tổng cộng	1.991	2.073	100%	100%

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: tự doanh, nhượng quyền và hợp tác.

Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu năm 2019 tiếp tục là mảng dịch vụ vận tải taxi bằng các phương thức: tự doanh, nhượng quyền và hợp tác, với 1.728 tỷ đồng, chiếm 86,76%.

Đối với mảng vận tải hành khách theo hợp đồng, doanh thu năm 2019 giảm 11,45% so với năm 2018, nhưng do tỷ trọng đóng góp nhỏ, chỉ 12,08% tổng doanh thu, nên sự sụt giảm này không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của Vinasun.

CƠ CẤU CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Khoản mục	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân viên	42,70%	42,60%
Chi phí khấu hao và hao mòn	23,04%	23,76%
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	19,19%	18,87%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,90%	11,79%
Khác	3,17%	2,98%
Tổng cộng	100%	100%

Trong cơ cấu chi phí kinh doanh, chi phí nhân viên là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất với 42,7%. Theo sau lần lượt là các khoản mục chi phí khấu hao và chi phí phụ tùng, nhiên liệu, lần lượt chiếm 23,04% và 19,19% trong cơ cấu chi phí.

Có thể thấy, các khoản chi phí cho nhân viên lái xe cùng với các khoản đầu tư vào thay mới xe, bảo dưỡng xe luôn là những chi phí quan trọng nhất để cấu thành nên hoạt động kinh doanh của Công ty. Tỷ trọng của các khoản mục chi phí này vẫn duy trì tương đương so với năm 2018.



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đặng Phước Thành	Chủ tịch HĐQT
2	Tạ Long Hỷ	Thành viên HĐQT
3	Trương Đình Quý	Thành viên HĐQT
4	Trần Anh Minh	Thành viên HĐQT
5	Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT
6	Đoàn Hoài Minh	Thành viên HĐQT độc lập
7	Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT độc lập
8	Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT độc lập
9	Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT độc lập

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng BKS
2	Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên BKS
3	Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS

DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc
2	Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng Giám đốc
4	Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
5	Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
6	Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
8	Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
9	Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc
10	Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc

NHỮNG THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ TRONG NĂM

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đoàn Hoài Minh	Thành viên HĐQT độc lập	26/04/2019	
2	Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	26/04/2019	
3	Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT độc lập	26/04/2019	
4	Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT độc lập	26/04/2019	
5	Trần Văn Bắc	Thành viên HĐQT		26/04/2019
6	Đặng Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT		26/04/2019
7	Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	26/04/2019	
8	Phạm Trần Thanh	Thành viên BKS		26/04/2019

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



Ông **ĐẶNG PHƯỚC THÀNH**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1957
Trình độ chuyên môn	Cử nhân sinh hóa
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mê Kông
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 16.907.888 cổ phiếu, tương ứng 24,92% VDL



Ông **TRƯƠNG ĐÌNH QUÝ**

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Quản lý Chất lượng

Năm sinh	1959
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Khoa học Giáo dục – Cử nhân Luật
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch Hiệp Hội Doanh Nghiệp Tp.HCM
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 6.318 cổ phiếu, tương ứng 0,009% VDL

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Ông **TRẦN ANH MINH**

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm
Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch Đầu tư

Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 15.794 cổ phiếu, tương ứng 0,023% VDL



Ông **TẠ LONG HỖ**

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm
Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Taxi

Năm sinh	1951
Trình độ chuyên môn	Cao học Luật
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 3.158 cổ phiếu, tương ứng 0,005% VDL

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Ông **ĐOÀN HOÀI MINH**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập



Ông **NGUYỄN ĐÌNH THANH**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh	1971
Trình độ chuyên môn	Kiến Trúc Sư và Cử Nhân Luật
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám Đốc - Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV: 4.833.270 cổ phiếu, tương ứng 7.12% VDL

Năm sinh	1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
Chức vụ tại tổ chức khác	Phó Giám Đốc - Công ty Bảo Hiểm PJICO Bến Thành
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương ứng 0,0% VDL

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Ông **ĐẶNG CÔNG LUẬN**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập



Ông **HỒ KIM TRƯỜNG**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 10.660 cổ phần, tương ứng 0,016% VDL

Năm sinh	1949
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Chính trị
Chức vụ tại tổ chức khác	Thành Viên HĐQT Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc Bến Lức Long An
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 55.000 cổ phần, tương ứng 0,081% VDL

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Bà **HUỲNH THANH BÌNH MINH**

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	1983
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Giám đốc đầu tư Quỹ đầu tư Tael Two Partners
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần



Bà **ĐẶNG THỊ LAN PHƯƠNG**

Tổng Giám đốc

Năm sinh	1969
Trình độ chuyên môn	Trung cấp TCKT
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 15.794 cổ phiếu, tương ứng 0,023% VDL

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Ông **ĐẶNG THÀNH DUY**

Phó Tổng Giám đốc Đối Ngoại và Phát triển

Năm sinh	1984
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh (Vinasun Green)
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 5.409.300 cổ phiếu, tương ứng 7,97% VDL



Ông **NGUYỄN TRỌNG DUY**

Phó Tổng Giám đốc Điều hành Taxi

Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Ông **HUỖNH VĂN SĨ**

Phó Tổng Giám đốc Tổ chức Hành Chánh



Ông **NGUYỄN BẢO TOÀN**

Phó Tổng Giám đốc Đối Ngoại và Phát triển

Năm sinh	1957
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 15.794 cổ phiếu, tương ứng 0,023% VDL

Năm sinh	1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 7 cổ phần, tương ứng 0,00% VDL

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Bà **NGUYỄN THỊ ĐĂNG THƯ**
Phó Tổng Giám đốc Tổng đài

Năm sinh	1974
Trình độ chuyên môn	Lớp 12
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 400 cổ phần, tương ứng 0,001% VDL



Bà **ĐẶNG PHƯỚC HOÀNG MAI**
Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Du Lịch

Năm sinh	1974
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế Ngoại thương, Thạc sĩ Luật
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 3.883 cổ phiếu, tương ứng 0,006% VDL

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Bà **MAI THỊ KIM HOÀNG**

Trưởng Ban kiểm soát



Bà **ĐỖ THỊ THÁM HOA**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh	1963
Trình độ chuyên môn	- Cử nhân Kế toán - Cử nhân Luật
Chức vụ tại tổ chức khác	Thành viên BKS CTCP Dịch vụ Du lịch Mê Kông
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu cá nhân: 34.052 cổ phiếu, tương ứng 0,05% VDL

Năm sinh	1967
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ tại tổ chức khác	Chuyên viên Kế toán - Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV
Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện	Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV: 537.030 cổ phiếu, tương ứng 0.79% VDL

THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Bà **TRẦN THỊ THU HIỀN**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 1980

Trình độ chuyên môn Cử nhân kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác Kế toán trưởng- Công ty TNHH Hai Lúa

Số cổ phiếu nắm giữ và đại diện Sở hữu cá nhân: 31 cổ phiếu, tương ứng 0,0% VDL

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Bảng phân loại cán bộ, công nhân viên của Công ty

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	5.790	100%
1	Trình độ trên đại học và đại học	253	4,37%
2	Trình độ cao đẳng	289	4,99%
3	Trình độ trung cấp	1.153	19,91%
4	Công nhân kỹ thuật	26	0,45%
5	Lao động phổ thông	4.069	70,28%
II	Theo loại hợp đồng lao động	5.790	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	2.582	44,59%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	1.883	32,52%
3	Thử việc	1.325	22,88%
III	Theo giới tính	5.790	100%
1	Nam	4.993	86,23%
2	Nữ	797	13,77%

Bảng tiền lương trung bình của người lao động qua các năm

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Tiền lương bình quân người lao động/tháng (triệu đồng)	6,08	7,61	11,94	9,98	10,16

CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG



Chính sách phúc lợi

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Vinasun đã xác định phương châm hoạt động của Công ty là **“Uy tín – Chất lượng – Giá cả hợp lý”** và tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự cốt lõi. Vinasun tin rằng đầu tư cho nguồn nhân lực chính là khoản đầu tư sinh lời, bởi khi nhận được sự quan tâm, chăm sóc chu đáo, người lao động sẽ tận lực cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Các chính sách phúc lợi của Công ty được người lao động đánh giá cao, thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, củng cố lòng trung thành, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của người lao động. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu, duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Cụ thể, các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động đều được thực hiện một cách đầy đủ.

Hàng năm người lao động được đào tạo thi nâng bậc kỹ thuật và nâng lương. Đây là chính sách giúp cho người lao động có điều kiện rèn luyện nâng cao tay nghề. Các chế độ phép, nghỉ mát, bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản, hưu trí,... thực hiện đúng theo quy định của nhà nước. Ngoài ra người lao động còn có chế độ trợ cấp đột xuất, ốm đau, tai nạn, hiếu hỷ, phúng viếng... theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.



Chính sách lương, thưởng

Công ty tuân thủ nghiêm túc quy trình tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương cho người lao động theo đúng quy định. Cụ thể, người lao động được thanh toán lương theo quy chế của Công ty, căn cứ trên thang bảng lương do Nhà nước quy định,

căn cứ trên mức độ hoàn thành công việc nhằm đảm bảo thu nhập và động viên, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất. Ngoài ra, người lao động cũng nhận được các khoản phụ cấp, thưởng vượt năng suất, chất lượng dịch vụ, thưởng hoàn thành nhiệm vụ tháng, thưởng lễ tết, thưởng phong trào thi đua.



10,16 triệu đồng
MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH THÁNG/NGƯỜI NĂM 2019



5.790
SỐ NGƯỜI LAO ĐỘNG CUỐI NĂM 2019

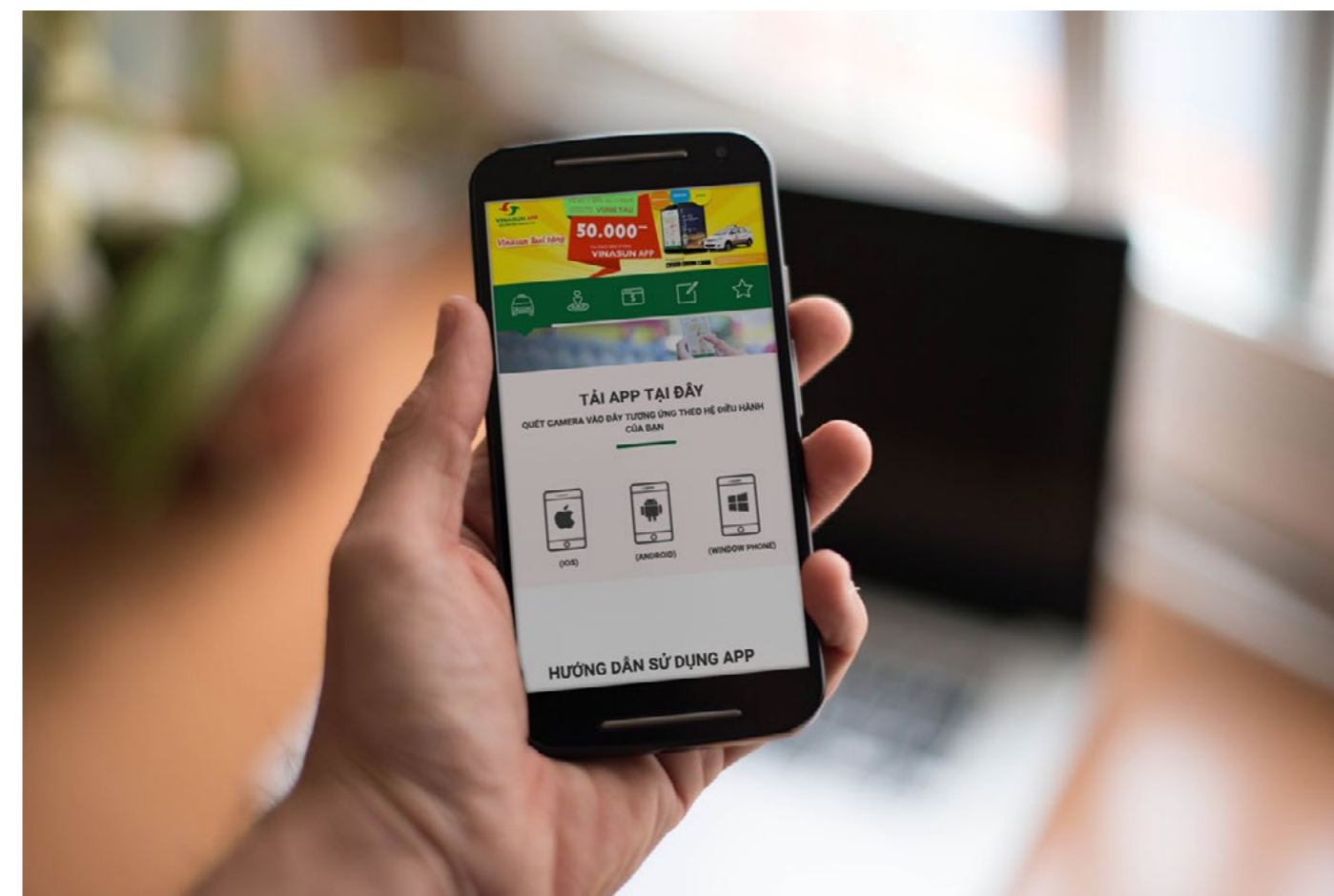


TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Năm 2019, Công ty đã tiếp tục công tác hoàn thiện và bổ sung các tiện ích cho phần mềm Vinasun App cũng như hệ thống tổng đài thông minh. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh hoạt động của dòng xe V-car. Cụ thể, tình hình đầu tư xe của Công ty trong năm qua như sau:

Loại xe	Số xe sở hữu đến 31/12/2018	Đầu tư trong năm 2019	Thanh lý trong năm 2019	Số xe sở hữu đến 31/12/2019
4 chỗ	2,358	229	494	2.093
7 chỗ	3,451	357	980	2.828
Tổng cộng	5.809	586	1.474	4.921
Trong đó:				
- Công ty mẹ	5.404	553	1.434	4.523
- Công ty con	405	33	40	398

Bên cạnh đó, tại thời điểm cuối năm 2019, số xe thương quyền đạt 1.113 xe. Trong số xe thanh lý thì có 652 xe được bán cho anh em lái xe để hoạt động theo phương thức thương quyền. Tính đến cuối năm 2019 thì công ty có 6.034 xe hoạt động kinh doanh.



Bảng so sánh các chỉ tiêu tài chính năm 2018 và 2019

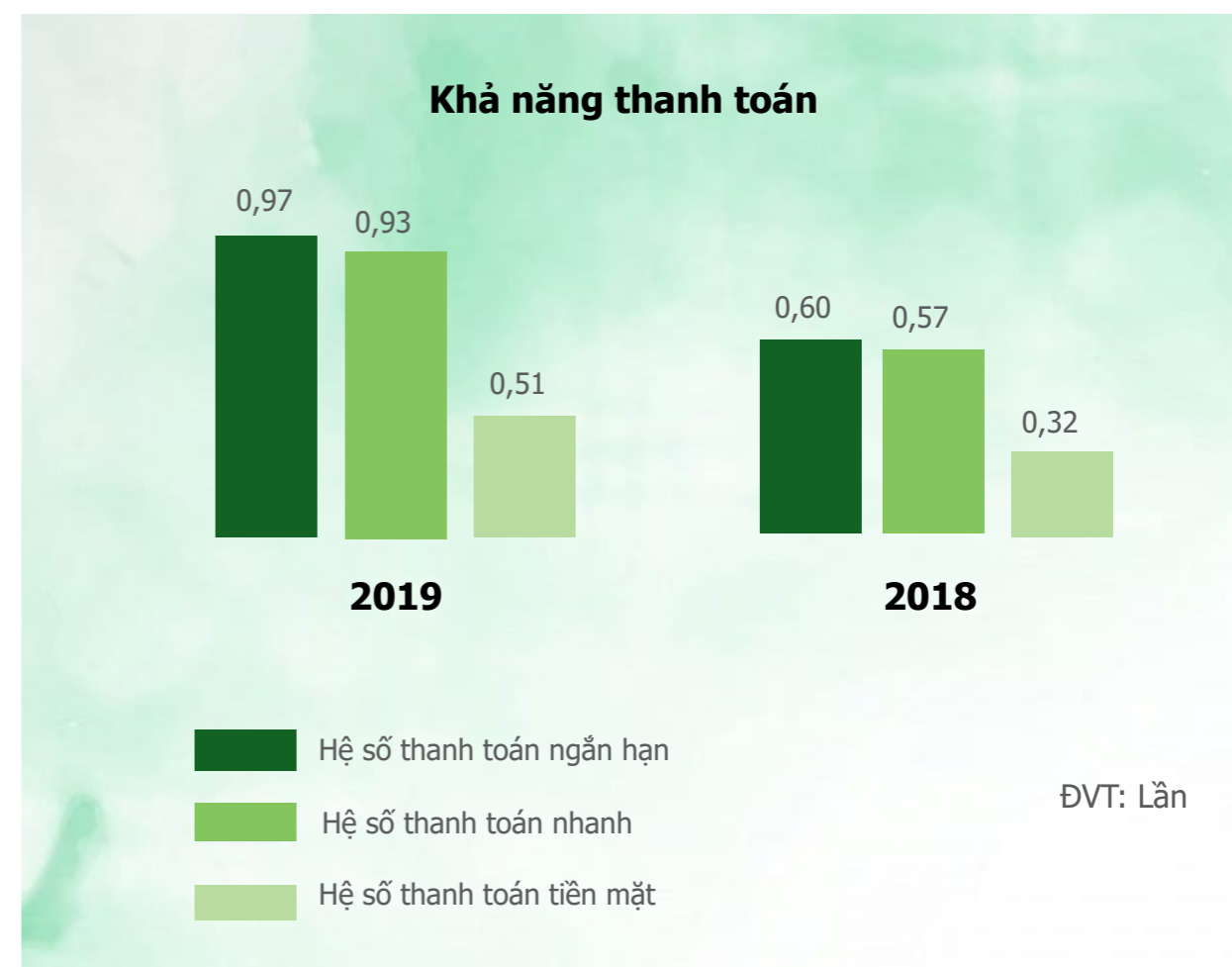
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn		0,97	0,60
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,93	0,57
Hệ số thanh toán tiền mặt		0,51	0,32
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản		35,53%	38,97%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,12%	63,84%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho		89,14	89,67
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	11,50	17,79
Vòng quay tổng tài sản		0,74	0,76
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Biên lợi nhuận gộp		21,34%	19,99%
Biên lợi nhuận ròng		5,46%	4,30%
ROA (Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản)	%	4,13%	3,27%
ROE (Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu)		6,41%	5,37%



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Công ty đều tăng trong năm 2019. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ mức 0,6 năm 2018 lên mức 0,97 năm 2019. Hệ số thanh toán nhanh năm 2019 đạt 0,93, tăng so với mức 0,57 năm trước. Tương tự, hệ số thanh toán tiền mặt cũng tăng từ 0,32 lên 0,51 năm 2019.

Nguyên nhân của sự cải thiện các hệ số thanh toán này là do tài sản ngắn hạn của Công ty tăng trong khi nợ ngắn hạn giảm trong năm 2019. Cụ thể, tiền và các khoản tương đương tiền tăng 59 tỷ so với năm 2018 do tăng các khoản tiền gửi kỳ hạn ngắn để đáp ứng nhu cầu đầu tư xe và bổ sung vốn lưu động. Khoản phải thu ngắn hạn tăng 56 tỷ đồng là các khoản tiền phải thu từ việc thanh lý xe ô tô cũ trong năm.



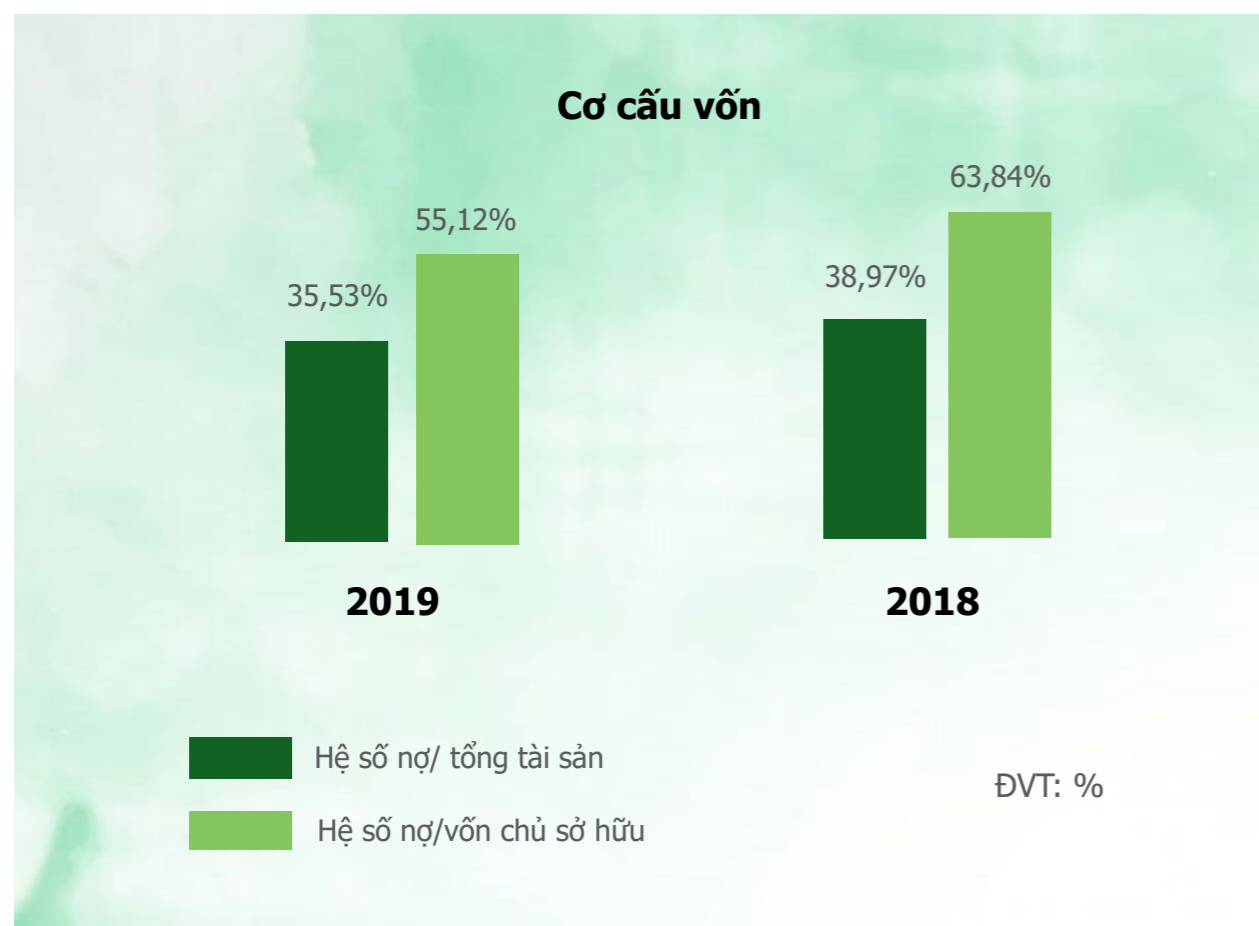
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Công ty luôn được duy trì ở mức hợp lý. Trong đó, nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu năm 2019 lần lượt đạt 35,53% và 55,12%, có xu hướng giảm so với năm 2018. Nguyên nhân là do nợ phải trả của Công ty giảm mạnh 11,85% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, Công ty đã giảm cả vay nợ ngắn hạn và dài hạn, ưu tiên sử dụng nguồn lực tự có để hạn chế gánh nặng chi phí lãi vay. Các khoản vay này chủ yếu dùng để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

Các hệ số này dù tăng nhưng vẫn duy trì được tỷ trọng thấp nên đòn bẩy của Công ty vẫn ở mức an toàn. Cấu trúc tài chính ổn định trong khi doanh nghiệp liên tục mở rộng thị phần và đầu tư thêm xe mới đã cho thấy doanh nghiệp có kế hoạch rõ ràng giữa việc phát triển và cân đối nguồn vốn.

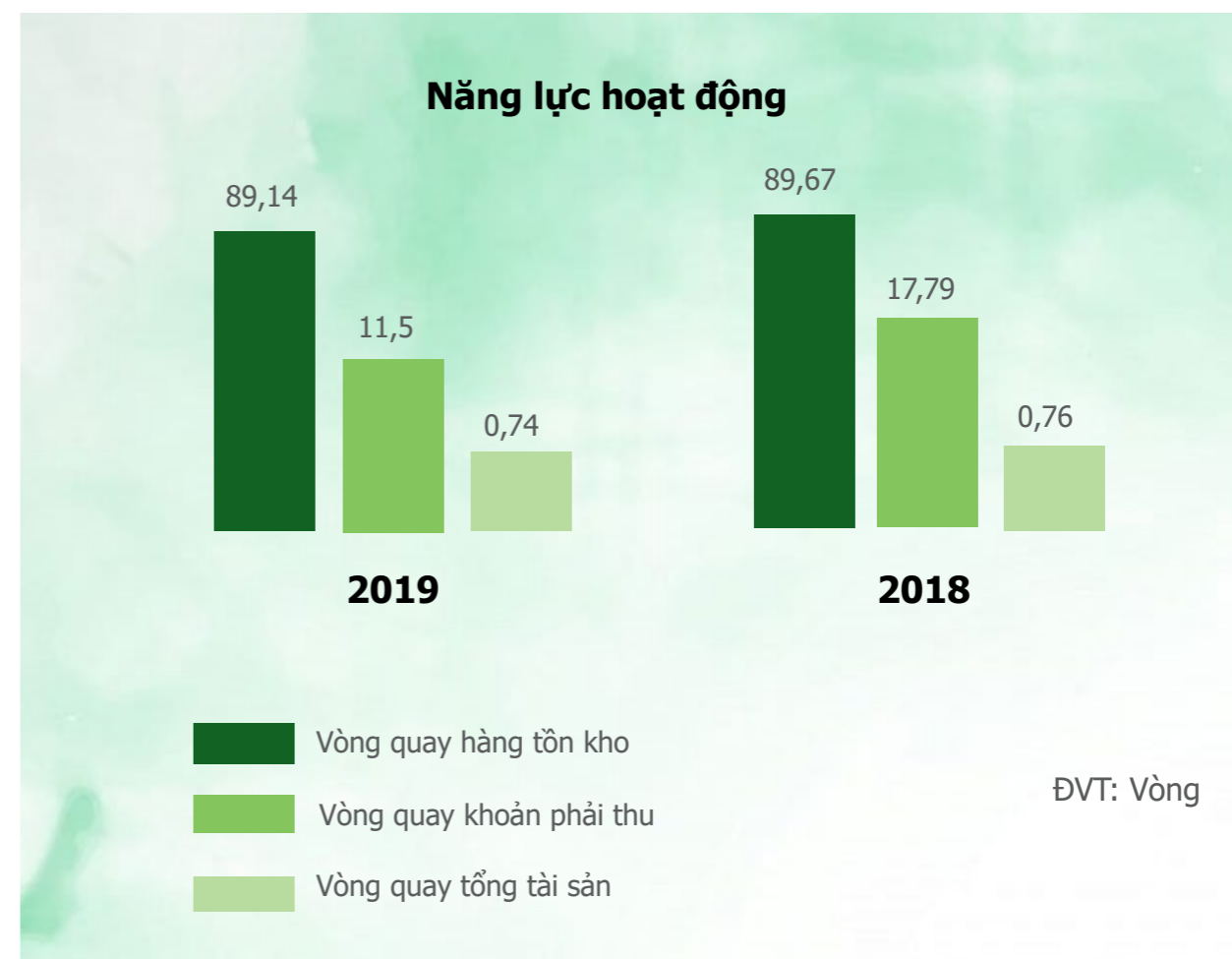


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Do tính chất ngành nghề cung cấp dịch vụ nên hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu tài sản, chủ yếu là phụ tùng xe. Vì vậy, vòng quay hàng tồn kho luôn ở mức rất cao, năm 2019 là 89,14 vòng, tương đương so với năm 2018.

Vòng quay khoản phải thu của Công ty năm 2019 có xu hướng giảm mạnh so với năm trước, chỉ đạt mức 11,5 so với mức 17,79 năm 2018. Nguyên nhân là khoản phải thu của Công ty tăng 54 tỷ so với năm 2018 do các khoản tiền thanh lý xe ô tô cũ phát sinh trong năm vẫn chưa nhận được từ khách hàng.

Vòng quay tổng tài sản năm 2019 là 0,74 vòng, giảm nhẹ so với năm 2018. Do đặc thù ngành kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi là ngành chiếm dụng vốn lớn, đầu tư thay mới xe ô tô thường xuyên nên vòng quay tài sản thường ở mức tương đối thấp.



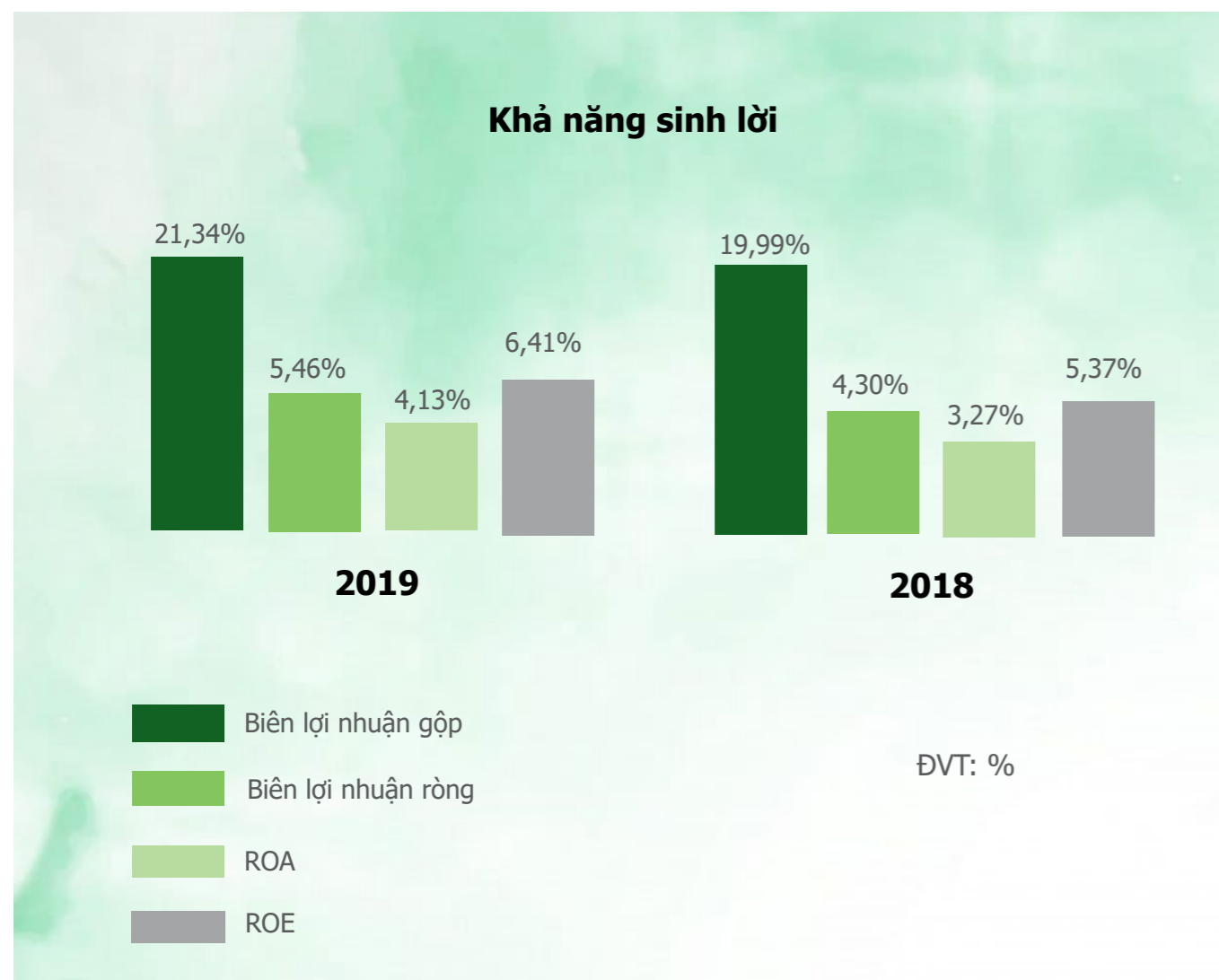
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2019 được cải thiện rõ rệt. Biên lợi nhuận gộp năm 2019 đạt 21,34%, tăng so với mức 19,99% của năm 2018. Biên lợi nhuận ròng cũng tăng từ mức 4,3% năm 2018 lên 5,46% năm 2019. Các chỉ số ROE, ROA cũng cải thiện so với năm trước, lần lượt đạt 6,41% và 4,13% năm 2019.

Sự tăng trưởng này nhờ vào tiết giảm hầu hết các chi phí như giá vốn, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng, giúp biên lợi nhuận được mở rộng. Bên cạnh đó, chính sách cắt giảm số đầu xe và kết hợp hình thức nhượng quyền và hợp tác đã cải thiện đáng kể biên lợi nhuận của Vinasun.



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ PHẦN

Vốn điều lệ: 678.591.920.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 67.859.192 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 67.859.192 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 31/03/2020

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	1.126	31.596.675	315.966.750.000	46,56%
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0%
2	Cổ đông tổ chức	23	14.179.916	141.799.160.000	20,90%
3	Cổ đông cá nhân	1.103	17.416.759	174.167.590.000	25,67%
II	Cổ đông nước ngoài	87	13.778.120	137.781.200.000	20,30%
1	Cổ đông cá nhân	66	234.409	2.344.090.000	0,35%
2	Cổ đông tổ chức	21	13.543.711	135.437.110.000	19,96%
III	Cổ đông nội bộ	15	22.484.397	224.840.397.000	33,13%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	15	22.484.397	224.840.397.000	33,13%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng		1.228	67.859.192	678.591.920.000	100%



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi
 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
 Các chứng khoán khác: không có

03

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất
kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong năm 2020

TRITUE VIỆT

ỨNG DỤNG CỦA VINASUN TAXI



THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG NĂM

Thuận lợi

Độ nhận diện thương hiệu cao, địa bàn hoạt động rộng khắp các tỉnh thành;

Số lượng xe hùng hậu, chất lượng xe tốt, chất lượng phục vụ được khách hàng đánh giá tốt;

Hệ thống khách hàng tổ chức ổn định, sử dụng taxi card, thẻ member;

Liên kết được với nhiều nhà hàng, siêu thị, sân bay, khách sạn, nhà ga để đón khách;

Đội ngũ lái xe chuyên nghiệp.

Khó khăn

Chi phí vận hành lớn (chi phí vận hành bộ máy, chi phí đầu tư hạ tầng, bến bãi cao, chi phí nhân sự,...) gây khó khăn trong việc cạnh tranh về giá;

Cạnh tranh gay gắt với các công ty nước ngoài có tiềm lực tài chính lớn mạnh, dễ dàng thu hút khách hàng qua hàng loạt các ưu đãi, khuyến mãi, giảm giá, quà tặng;

Hệ thống phát triển nhanh và rộng khắp nên chưa đảm bảo được tính đồng nhất về chất lượng tại các địa bàn hoạt động;

Ngày càng trở nên khó khăn trong việc thu hút được lao động lành nghề.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019 là một năm đầy thách thức đối với Công ty, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ hiện hữu và cả các đối thủ mới trong nước cũng tham gia cuộc đua gọi xe công nghệ như Be hay Mygo.

Các công ty nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ đang tham gia hoạt động vào thị trường taxi TPHCM với gần 30.000 chiếc và áp dụng các phương thức cạnh tranh bất bình đẳng thông qua việc tận dụng kẽ hở của pháp luật là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp và quyết định đến hoạt động của Công ty. Các đối thủ cạnh tranh này thậm chí còn kinh doanh taxi không đúng quy định pháp luật để tìm cách hạ giá cước dịch vụ, giành thị phần khách hàng.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)

Trước tình hình đó, Vinasun đã chủ động thay đổi theo hướng tiếp tục phát huy các thế mạnh của taxi chính thống song song với việc tăng cường quảng bá nhằm thu hút khách hàng sử dụng ứng dụng Vinasun App để đặt xe. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã mở rộng chính sách thương quyền đến các đối tác và các lái xe ở trong và ngoài công ty nhằm ngày càng gia tăng đội ngũ xe thương quyền. Ngoài ra, Công ty còn mở rộng địa bàn hoạt động ra một số thị trường tiềm năng như Quảng Ngãi, Bình Thuận, Phú Yên, Hà Nội.

Năm qua, Công ty đã tiếp tục duy trì chiến lược phát triển ổn định và bền vững gắn chặt tăng cường quản trị rủi ro, cải tiến công nghệ qua nền tảng Vinasun App, quản lý hiệu quả nhân sự và tài sản. Nhờ vậy, doanh thu từ cung cấp dịch vụ dù có giảm nhưng không nhiều so với năm trước, đạt 1.991 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính là vận tải hành khách tiếp tục duy trì được tăng trưởng trong khi việc thanh lý đội xe giảm dần cho thấy dấu hiệu khả quan trong hoạt động vận hành của Vinasun.

Khả năng quản trị chi phí là một điểm sáng nổi bật trong năm của Công ty. Cụ thể, hầu hết các chi phí như giá vốn, chi phí tài chính, chi phí bán hàng đều được tiết giảm mạnh, một phần nhờ vào việc Vinasun đã linh hoạt thay đổi loại hình từ thuê nhân viên sang nhượng quyền thương mại giúp giảm bớt chi phí phát sinh. Kết quả, lợi nhuận sau thuế đạt 108,66 tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2018. Đây là một kết quả rất đáng ghi nhận và tạo động lực để Công ty tiếp tục chinh phục các mục tiêu tiếp theo.

Các chỉ tiêu kinh doanh

Các chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng/giảm	%Tăng/giảm
Số lượng cuộc gọi bình quân/ngày	29,466	33,854	(4,388)	-13%
Bình quân lượt khách qua điểm tiếp thị (có ĐH)	27,432	34,079	(6,647)	-20%
Số lượng đặt App Bình quân ngày	14,319	12,364	1,955	16%

Trong năm, hoạt động kinh doanh Taxi đã bị ảnh hưởng từ việc cạnh tranh khốc liệt của các công ty nước ngoài được thể hiện qua việc giảm số lượng cuộc gọi bình quân trên ngày 13%. Tuy nhiên, lượng đặt App bình quân ngày tăng 16% so với năm trước là một điểm sáng tích cực cho thấy chiến lược phát triển trên nền tảng công nghệ của Công ty ngày càng tăng trưởng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	So sánh cùng kỳ
Tài sản ngắn hạn	431,22	319,31	35,05%
Tài sản dài hạn	2.198,38	2.400,99	-8,44%
Tổng tài sản	2.629,6	2.720,31	-3,33%

Tài sản ngắn hạn

Tính đến cuối năm 2019, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 431 tỷ đồng, tăng 35,05% so với cuối năm 2018. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 50,7%, đạt 167 tỷ đồng do khoản tiền từ khách hàng sử dụng dịch vụ taxi trả sau, thanh lý xe ô tô cũ phát sinh trong năm vẫn chưa nhận được từ khách hàng. Bên cạnh đó, tiền mặt của Công ty cũng tăng mạnh từ 167 tỷ năm 2018 lên 227 tỷ năm 2019 do tăng các khoản tiền gửi kỳ hạn ngắn để đáp ứng nhu cầu đầu tư xe và bổ sung vốn lưu động.



Tài sản dài hạn

Tính đến cuối năm 2019, tài sản dài hạn của Công ty đạt 2.198 tỷ đồng, giảm 8,44% so với cùng thời điểm năm 2018 và chiếm 83,6% tổng tài sản. Có thể thấy trong cơ cấu tài sản của Công ty, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng rất lớn do tài sản của Công ty chủ yếu là các loại xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh.

Tài sản dài hạn giảm do trong năm Công ty đã thanh lý một số xe ô tô cũ. Bên cạnh đó, chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 120 tỷ là các phương tiện vận tải đang trong quá trình lắp đặt các thiết bị để sẵn sàng đưa vào sử dụng cho dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	So sánh cùng kỳ
Nợ ngắn hạn	446,04	530,04	-15,85%
Nợ dài hạn	488,38	529,95	-7,85%
Tổng nợ phải trả	934,41	1.059,99	-11,85%

Tại thời điểm cuối năm, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn của Công ty lần lượt đạt ở mức 446 tỷ đồng và 488 tỷ đồng. Cả hai khoản mục này đều giảm so với năm 2018, lần lượt giảm ở mức 15,85% và 7,85%.

Cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn của Công ty giảm chủ yếu do giảm mạnh khoản vay và nợ thuê tài chính, do Công ty chủ trương dùng vốn tự có để tài trợ cho các dự án mua xe mới, giảm bớt vay nợ nhằm giảm gánh nặng chi phí lãi vay.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm, để tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển dựa trên các yếu tố công nghệ, Vinasun đã chú trọng phát triển thêm khách hàng sử dụng thẻ thanh toán online, kết hợp với các ứng dụng khác nhằm đa dạng nhu cầu thanh toán của khách hàng và phát triển hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt trên Vinasun App.

Ngoài ra, Vinasun cũng nâng cấp và hoàn thiện hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều xe tự động của Vinasun App, kết hợp với đặt chỗ qua tổng đài và điều xe qua tin nhắn.

Đồng thời, Công ty khai thác triệt để thế mạnh của hệ thống tổng đài truyền thống, kết nối tính năng hiện có với hệ thống phần mềm mới.

Năm 2019 Vinasun cũng đã đầu tư thêm xe mới, song song với việc thanh lý xe cũ, đồng thời phát triển loại hình xe hợp tác kinh doanh.



PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU



Các lĩnh vực hoạt động trong năm 2020

Dịch vụ Taxi (hoạt động chủ yếu), vận chuyển khách hàng theo hợp đồng, du lịch;

Đa dạng hóa các phương thức kinh doanh cho phù hợp với diễn biến của thị trường: tự doanh, nhượng quyền thương mại và khai thác, hợp tác kinh doanh... Việc triển khai phương thức hợp tác kinh doanh (thương quyền) sẽ được tiếp tục đẩy mạnh trong năm nay;

Mở rộng hợp tác với các công ty có tiềm năng về kinh doanh vận tải, công nghệ, tiêu dùng, thanh toán trong và ngoài nước trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, tận dụng các lợi thế của nhau nhằm tạo thế cạnh tranh vững mạnh.



Các hoạt động về vốn kinh doanh

Giữ vững và mở rộng quan hệ với các Ngân hàng và các tổ chức tài chính khác nhằm thu hút vốn để đầu tư với lãi suất thấp nhất.



Tổ chức và nhân sự

Tiếp tục củng cố, sắp xếp, cấu trúc nhằm tinh giản lại bộ máy quản lý và kinh doanh theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, tập trung vào chức năng quản lý nhằm nâng cao khả năng điều hành, hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc thực hiện các chức năng kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với khả năng nghiệp vụ chuyên môn cao.

Đào tạo và tái đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng phục vụ, giao tiếp đối với nhân viên trực tiếp và các đối tác.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Đảm bảo thu nhập của người lao động trong khả năng cao nhất có thể;

Thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các chế độ khác.

KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ LỢI NHUẬN NĂM 2020

Các hoạt động triển khai trong năm 2020

Tích hợp và ứng dụng phương thức thanh toán online trên Vinasun App;

Tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý và điều hành xe thông qua GPS, hệ thống đặt chỗ và điều hành xe tự động thông qua ứng dụng trên smartphone (Vinasun App), hệ thống đặt xe qua tổng đài và điều xe qua tin nhắn;

Khai thác triệt để thế mạnh của việc điều xe qua hệ thống hệ thống Tổng đài. Nâng khả năng tiếp nhận và điều xe của Tổng đài 38 27 27 27 lên 35.000 cuộc gọi/ngày;

Tăng số lượng đặt App Vinasun bình quân lên 25.000 lượt/ngày. Phát triển hơn nữa các chức năng trên App nhằm đáp ứng nhu cầu nhanh nhất của khách hàng;

Giữ vững và phát triển thêm các điểm tiếp thị chiến lược;

Triển khai thực hiện việc đa dạng hóa phương thức và loại hình kinh doanh tại các địa bàn;

Thực hiện việc cơ cấu lại số lượng, chủng loại xe tại các địa bàn kinh doanh.

Các nhân tố chính ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty

Tác động của sự độc quyền của các công ty nước ngoài trong hoạt động kinh doanh Taxi hiện nay khi đã khống chế được thị trường về số lượng đầu xe và việc tuân thủ của công ty này đối với các quy định mới ban hành;

Thời gian tác động của dịch bệnh, khả năng phục hồi của ngành vận tải hành khách;

Phát triển thêm xe theo phương thức hợp tác kinh doanh;

Việc linh động điều chỉnh tỷ lệ chia doanh thu của các xe tự doanh, thương quyền cũng như phí nhượng quyền khi có những thay đổi về chính sách, biến động của thị trường nhằm kích thích lái xe nâng cao doanh thu và thu nhập cũng như cân đối hài hòa lợi ích giữa công ty với người lao động và đối tác;

Tiết kiệm và giảm chi phí quản lý.



04

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt
hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động
của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



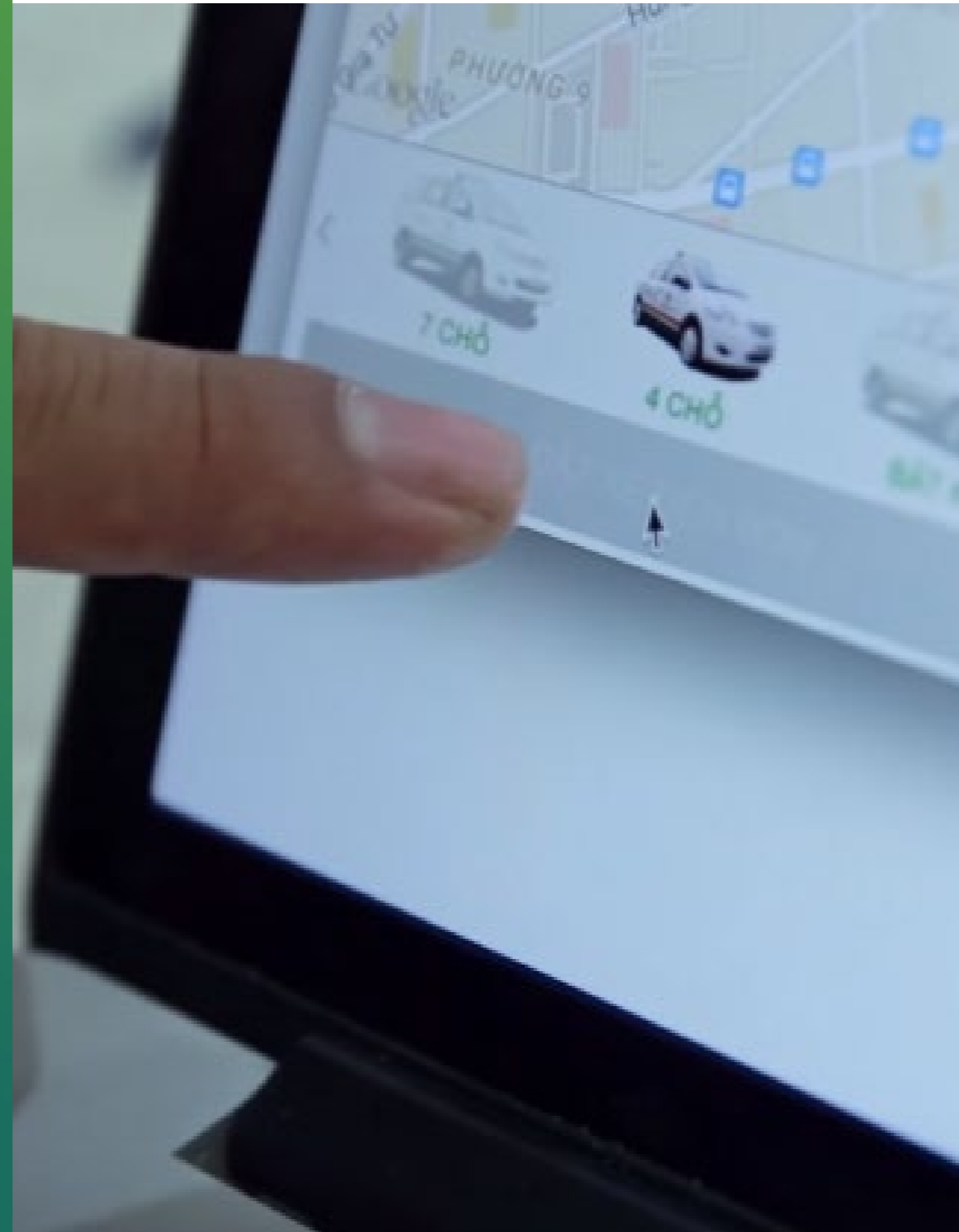
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong bối cảnh khó khăn của năm 2019, phải đương đầu với những hoạt động cạnh tranh khốc liệt, thậm chí thiếu bình đẳng, kinh doanh taxi không đúng quy định pháp luật, lãnh đạo Công ty cùng CB-CNV đã nỗ lực tối đa trong việc bảo vệ thị phần của mình và tập trung, dồn sức kiên trì đấu tranh về mặt pháp lý nhằm đảm bảo sự công bằng trong các điều kiện kinh doanh vận tải taxi.

Công ty đã liên tục cải tiến và nâng cấp Vinasun App và hệ thống tổng đài thông minh nhằm nâng cao năng lực phục vụ khách hàng, thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi nhằm khuyến khích khách hàng sử dụng Vinasun App, nâng cao chất lượng phục vụ của lái xe, điều chỉnh giá cước linh hoạt, thay đổi mô hình kinh doanh nhằm giữ chân lái xe và thu hút lại lái xe nghỉ việc. Đồng thời, Công ty cũng điều chỉnh và phân bổ lại số lượng xe tại các địa bàn kinh doanh, thường xuyên mở rộng, khai thác hiệu quả các kênh phục vụ khách hàng như hệ thống điểm tiếp thị trực tiếp và gián tiếp, nâng cao chất lượng chăm sóc và phát triển khách hàng thân thiết qua hệ thống thanh toán online .

Hội đồng quản trị đã cùng lãnh đạo Công ty luôn đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định của pháp luật, đưa ra các giải pháp đầu tư phát triển mạnh ứng dụng Vinasun App, nâng cao chất lượng dịch vụ, mạnh dạn chia sẻ nguồn thu của Công ty cho nhân viên lái xe nhằm tạo điều kiện tối đa để người lao động yên tâm làm việc, có khoản thu nhập tương đối để đảm bảo cuộc sống gia đình.

Với mục tiêu chiến lược phát triển ổn định và bền vững gắn chặt tăng cường quản trị rủi ro, năm 2019, tổng doanh thu kinh doanh đạt được là 1.991 tỷ đồng; tổng lợi nhuận sau thuế đạt 108,66 tỷ, đạt 110% so với kế hoạch đề ra.



Những kết quả đạt được trong năm 2019 là rất đáng trân trọng, Công ty đã rất nỗ lực để phát huy thế mạnh của mình, thực hiện tiết kiệm chi phí, thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tái cấu trúc hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm trụ vững và đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của Công ty.

Với vai trò quản trị, định hướng và giám sát Công ty, Hội đồng quản trị cùng với Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, đẩy mạnh việc củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy điều hành, thường xuyên theo dõi, đánh giá và đưa ra các quyết định phù hợp với diễn biến của thị trường và nhu cầu của khách hàng, thay đổi mô hình kinh doanh nhằm giữ chân lái xe và thu hút lại lái xe nghỉ việc,...

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc luôn nhận thức rõ được cơ hội cũng như thách thức mà Công ty đang và sẽ gặp phải, từ đó đề ra các giải pháp linh hoạt trong mọi hoạt động của Công ty nhằm kiểm soát có hiệu quả tình hình hiện tại, thực thi các chiến lược phù hợp.

Ban lãnh đạo đã vận hành hoạt động của Công ty theo hai định hướng chính là phát triển số lượng và chất lượng đội xe, cùng với đó là duy trì mức nợ vay phù hợp với tình hình tài chính của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện tốt các công tác tiết kiệm chi phí, quản lý đội xe chặt chẽ hơn để có thể nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Định hướng phát triển trên nền tảng công nghệ cũng được Công ty tiếp tục chú trọng trong năm thông qua tăng cường các tính năng của Vinasun App. Thêm vào đó, Công ty tiếp tục thực hiện mô hình quản lý tập trung cũng như nâng cao năng lực quản lý của các cán bộ quản lý, công khai minh bạch tình hình tài chính của Công ty, cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác.

Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh đã đề ra.



TRIỂN VỌNG NGÀNH NĂM 2020



Đời sống người dân ngày càng được cải thiện, tầng lớp trung lưu ngày càng gia tăng tạo cơ hội cho nhu cầu đi lại bằng taxi ngày càng tăng cao;

Cơ hội phát triển mạnh hơn nữa tại các tỉnh thành khác như Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu, Khánh Hòa,...

Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt có hiệu lực từ ngày 1/1/2020 có nhiều điểm mới.

Trong đó, đáng chú ý là quy định mức xử phạt vi phạm hành chính được đánh giá khá nặng đối với người điều khiển phương tiện tham gia giao thông (bao gồm ô tô, xe máy, xe đạp điện...) có nồng độ cồn trong người đã và đang tác động mạnh đến nhận thức của người dân. Các quy định mới nêu trên được đánh giá là cơ hội cho những doanh nghiệp vận tải hành khách cá nhân tăng lượng hành khách vận chuyển;

Cơ quan quản lý siết chặt quản lý các đơn vị vận tải công nghệ. Sau hơn 2 năm soạn thảo với nhiều lần lấy ý kiến, ngày 17/1/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải, sẽ có hiệu lực từ ngày 1/4/2020. Theo đó, Nghị định 10 sẽ định nghĩa rõ hơn taxi chính thống hay taxi công nghệ, đưa điều kiện kinh doanh giữa 2 loại hình lại gần nhau hơn, từ đó làm nền tảng cho các quy định mới, từng bước tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh, công bằng hơn giữa hai loại hình;

Dịch Covid-19 đã khiến hầu hết doanh nghiệp trên thế giới giảm sản xuất, khiến sức tiêu thụ dầu giảm mạnh ở mức chưa có tiền lệ, dầu thế giới dư thừa không còn chỗ chứa. Hệ quả, tại thời điểm cuối tháng 3/2020, giá xăng dầu giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 11 năm qua và có thể duy trì tiếp tục đà giảm này trong thời gian tới. Điều này sẽ giúp chi phí đầu vào của Công ty được tiết giảm đáng kể.



Hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động của Vinasun vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn. Mặc dù ứng dụng gọi xe đã được tích hợp nhiều tính năng nổi bật, khả năng thanh toán đa dạng, nhưng ứng dụng của Vinasun vẫn cần nhiều thời gian với nhiều phương thức truyền thông hơn nữa để tiếp cận được nhiều khách hàng;

Các hãng taxi ngày càng cạnh tranh khốc liệt về giá;

Dịch Covid-19 tuy có lợi trong việc giảm chi phí đầu vào là xăng dầu, nhưng đây cũng là một thách thức rất lớn đối với sự sống còn của hầu hết các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và của Vinasun nói riêng. Cụ thể, lo ngại dịch bệnh đã làm giảm mạnh lượng khách du lịch cũng như nhu cầu đi lại của người dân, qua đó làm giảm lượng hành khách của các đơn vị vận tải như Vinasun. Bên cạnh đó, việc tạm dừng hoạt động kinh doanh phòng chống dịch theo chỉ thị của Chính phủ sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2020 của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Về chiến lược kinh doanh

Tiếp tục tập trung triển khai chiến lược phát triển Vinasun và phương án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2016-2020. Thực hiện những công tác cải tiến về công nghệ và dịch vụ khách hàng, nhằm giữ vững thị phần và duy trì sự ổn định;

Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong hoạt động kinh doanh, tái cấu trúc nguồn vốn, tài chính, hoạt động đầu tư, dòng tiền để có thể đảm bảo an toàn tài chính và tối ưu nguồn thu Công ty;

Giữ vững và mở rộng quan hệ với các Ngân hàng và các tổ chức tài chính khác để có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư với lãi suất thấp.



Về hoạt động đầu tư

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị hạ tầng và thiết bị công nghệ cao cho phù hợp với định hướng và sự phát triển của Công ty. Nâng cấp và phát triển hơn nữa hệ thống phần mềm kết nối và điều hành xe, hệ thống thanh toán và khuyến mãi tự động nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng tốt hơn nữa.



Về hoạt động kinh doanh

Công ty tiếp tục nỗ lực để dẫn đầu về thị phần tại các địa bàn kinh doanh nhờ vào chiến lược phủ đều xe trên toàn bộ tuyến đường tại các địa bàn kinh doanh, giúp đáp ứng nhanh chóng nhất nhu cầu của khách hàng;

Nâng cao chất lượng và các tiện ích trên xe và đảm bảo được chất lượng đồng đều của các xe kinh doanh;

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo ra sự tiện lợi nhất cho khách hàng qua ứng dụng trên smartphone, qua Tổng đài, tin nhắn, website,...., xử lý nhanh chóng các vấn đề của khách hàng;

Tiếp tục cải tiến ứng dụng đặt xe Vinasun App, đồng thời đa dạng phương thức truyền thông, tiếp cận với khách hàng.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Về hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển đa dạng kênh liên lạc để tiếp cận, phục vụ và chăm sóc khách hàng một cách nhanh chóng và kịp thời;

Thực hiện các chương trình khuyến mãi phù hợp giúp thu hút nhiều đối tượng khách hàng nhưng vẫn đảm bảo được hiệu quả hoạt động kinh doanh;

Nâng cấp và phát triển hệ thống website: www.vinasuncorp.com và trang facebook của Vinasun, cũng như các ứng dụng: Vinasun App, Vcar,...



Về công tác nhân sự

Tăng cường các hoạt động về đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên của Công ty, đặc biệt là đội ngũ lái xe với chất lượng dịch vụ ngày càng chuyên nghiệp;

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật triển khai hệ thống quản lý điều hành taxi Vinasun;

Thường xuyên tổ chức các hoạt động thi đua, khen thưởng để nâng cao năng suất làm việc của cán bộ nhân viên trong Công ty;

Thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho người lao động nhằm xây dựng hình ảnh văn hóa Vinasun chuyên nghiệp, hiện đại, kề vai sát cánh và hướng đến cộng đồng.

05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

THÀNH VIÊN CỦA VINASUN CORP.



VINASUN TAO



VINASUN TAO



VINASUN TAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH DƯƠNG VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2019



CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Đặng Phước Thành	Chủ tịch HĐQT	7	100%	
2	Tạ Long Hỷ	Thành viên HĐQT	7	100%	
3	Trương Đình Quý	Thành viên HĐQT	7	100%	
4	Trần Anh Minh	Thành viên HĐQT	7	100%	
5	Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên HĐQT	7	100%	
6	Đoàn Hoài Minh	Thành viên HĐQT độc lập	4	100%	
7	Nguyễn Đình Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	4	100%	
8	Đặng Công Luận	Thành viên HĐQT độc lập	4	100%	
9	Hồ Kim Trường	Thành viên HĐQT độc lập	4	100%	
10	Đặng Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT	2	100%	Miễn nhiệm 26/04/2019
11	Trần Văn Bắc	Thành viên HĐQT	2	100%	Miễn nhiệm 26/04/2019

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM CỦA HĐQT

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	02/QĐ_HĐQT.19	07/03/2019	Tiến hành triệu tập Đại hội cổ đông thường niên 2019 như sau: + Về ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức đại hội 28/03/2019, thời gian thực hiện 26/04/2019; + Về nội dung Đại hội cổ đông 2019: Báo cáo của HĐQT, báo cáo kết quả kinh doanh 2018, phương án kế hoạch kinh doanh 2019, báo cáo kết quả kiểm toán 2018, báo cáo của Ban kiểm soát, tờ trình phân phối lợi nhuận, lựa chọn công ty kiểm toán 2019, các vấn đề khác.
2	03/QĐ_HĐQT.19	04/04/2019	Thông qua các nội dung trình ra Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2019 như sau: Báo cáo của HĐQT, báo cáo kết quả kinh doanh 2018, phương án kế hoạch kinh doanh 2019, báo cáo kết quả kiểm toán 2018, báo cáo của Ban Kiểm soát, tờ trình phân phối lợi nhuận, lựa chọn công ty kiểm toán 2019, bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022.
3	04/QĐ_HĐQT.19	07/05/2019	Thông qua việc thanh toán cổ tức năm 2018 như sau: + Tỷ lệ thực hiện: 10% trên mệnh giá (01 cổ phiếu nhận 1.000 đồng), ngày đăng ký cuối cùng 24/05/2019, ngày thực hiện: 12/06/2019; + Địa điểm thực hiện: Đối với chứng khoán lưu ký: làm thủ tục nhận cổ tức tại công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký; Đối với chứng khoán chưa lưu ký: nhận tại Công ty cổ phần Ánh Dương Việt Nam, 648 Nguyễn Trãi, P.11, Q.5, Tp.HCM.
4	11/QĐ_HĐQT.19	02/10/2019	Thông qua : + Báo cáo HĐQT 06 tháng đầu năm 2019 và phương hướng, các giải pháp cho 06 tháng cuối năm 219; + Việc mua bán xe trả chậm cho Lái xe.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM CỦA HĐQT (tiếp theo)

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
5	12/QĐ_HĐQT.19	02/10/2019	<p>Thông qua :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thuê tài chính các tài sản đầu tư để kinh doanh vận tải taxi và thông qua các hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) với số tiền tối đa là 60.195.000.000 đồng để đầu tư 140 xe ô tô Toyota Innova E và Vios VK, chất lượng mới 100% phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty; + Giao cho Bà Đặng Thị Lan Phương - TGD là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc ủy quyền cho người thứ ba đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng, văn bản với ACB Leasing. Các nội dung cụ thể: hợp đồng thuê tài chính, hợp đồng mua bán tài sản, các văn bản có liên quan đến việc thuê tài chính, các hợp đồng bảo đảm, kế ước nhận nợ, các văn bản đề nghị, cam kết, giao dịch của Công ty với ACB Leasing giao cho người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty ký kết.
6	13/QĐ_HĐQT.19	02/10/2019	<p>Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các hợp đồng có liên quan giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 10 và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương; + Các hợp đồng có liên quan giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 10 với số tiền tối đa là 178.623.432.500 đồng; + Thông qua việc thực hiện giao dịch tín dụng và thông qua các hợp đồng có liên quan của khoản vay giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hùng Vương và Công ty với số tiền tối đa 115.118.000.000 đồng nhằm mục đích mua xe kinh doanh dịch vụ taxi; + Thế chấp xe mua mới thuộc quyền sở hữu của Công ty cho Vietcombank Chi nhánh Hùng Vương; + Ủy quyền cho bà Đặng Thị Lan Phương - TGD ký kết các hợp đồng vay, bảo lãnh và ký hợp đồng thế chấp với ngân hàng TMCP Công thương VN - CN 10 và Vietcombank CN Hùng Vương; + Cho phép bà Đặng Thị Lan Phương có thể ủy quyền cho ông Trần Anh Minh - Phó TGD thực hiện các công việc nêu trên.

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
7	14/QĐ_HĐQT.19	02/10/2019	Thông qua việc thành lập các Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố.
8	15/QĐ_HĐQT.19	02/10/2019	Cử ông Trương Đình Quý - Thành viên HĐQT kiêm làm người phụ trách quản trị Công ty với thời hạn 05 năm kể từ ngày 22/10/2019.
9	16/QĐ_HĐQT.19	20/12/2019	<p>Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thuê tài chính các tài sản đầu tư để kinh doanh vận tải taxi và thông qua các hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại Thương VN - CN TP.HCM (VCB Leasing) với mức thuê tài chính là 77% tổng giá trị tài sản cho thuê (không bao gồm VAT), tổng giá trị tài sản cho thuê là 115.200.000.000 đồng để đầu tư 180 xe ô tô Toyota Innova E và Vios E, chất lượng mới 100%, phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty; + Giao cho Bà Đặng Thị Lan Phương - TGD là người đại diện theo pháp luật của công ty ký kết các hợp đồng, văn bản với VCB Leasing. Các nội dung cụ thể: hợp đồng thuê tài chính, hợp đồng mua bán tài sản.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong tất cả các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc đều có sự giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời của HĐQT. Trong các cuộc họp Ban Tổng Giám đốc đều có sự tham gia của Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có thành lập tiểu ban.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng BKS	7	100%	
2	Đỗ Thị Thám Hoa	Thành viên BKS	7	100%	
3	Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	7	100%	Bổ nhiệm ngày 26/04/2019
4	Trần Văn Thanh	Thành viên BKS	7	100%	Miễn nhiệm ngày 26/04/2019

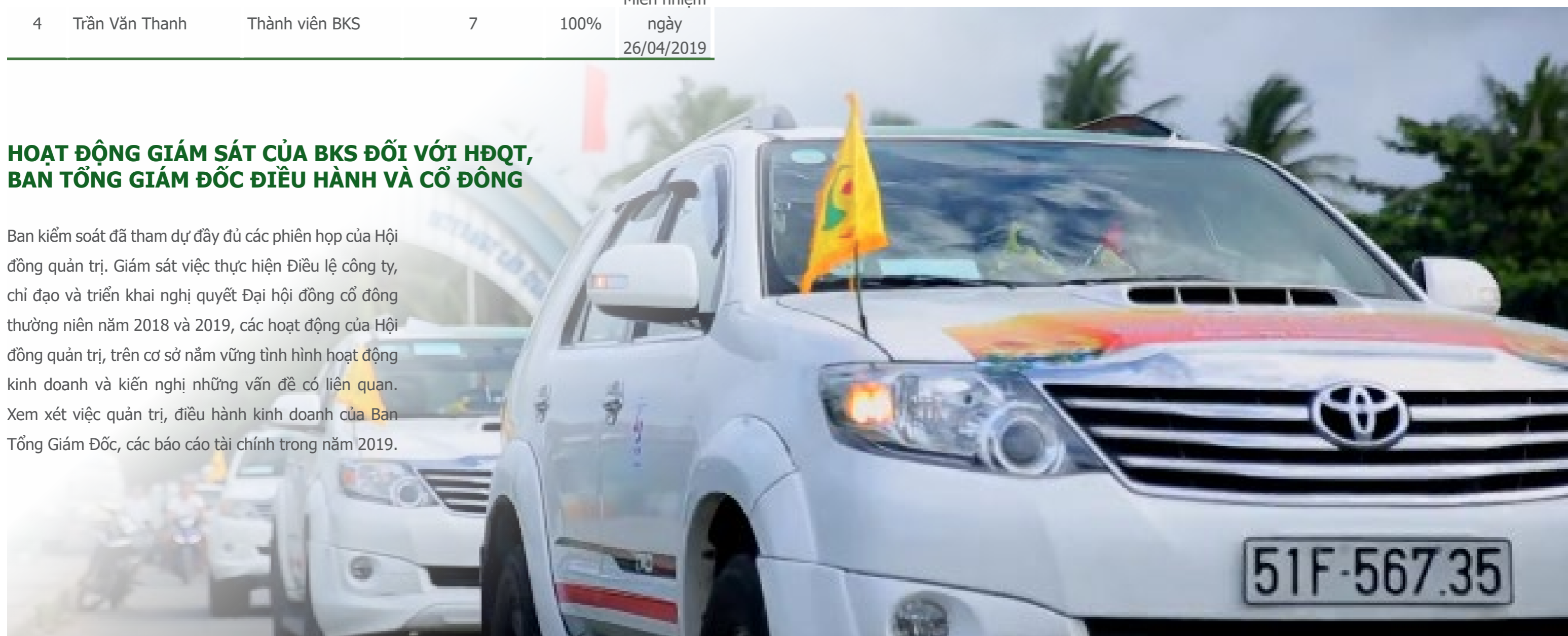
HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị. Giám sát việc thực hiện Điều lệ công ty, chỉ đạo và triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và 2019, các hoạt động của Hội đồng quản trị, trên cơ sở nắm vững tình hình hoạt động kinh doanh và kiến nghị những vấn đề có liên quan. Xem xét việc quản trị, điều hành kinh doanh của Ban Tổng Giám Đốc, các báo cáo tài chính trong năm 2019.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC BỘ PHẬN KHÁC

Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả kinh doanh, các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị,

trên cơ sở đó kịp thời theo sát hoạt động của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát duy trì sự độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và khen thưởng cho Ban Tổng Giám đốc trong năm 2019 là 2.003.090.799 đồng.

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với Công ty	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hồ Kim Trường	Thành viên độc lập HĐQT	40.000	0,06%	55.000	0,08%	Đầu tư cá nhân
2	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Chị của Nguyễn Đình Thanh (TV HĐQT độc lập)	5.600	0,0083%	3.420	0,005%	Giải quyết việc cá nhân
3	Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	200	0,0003%	Đầu tư cá nhân



06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm đối với môi trường
Trách nhiệm đối với người lao động
Trách nhiệm đối với cộng đồng

Ngày hội Gia Đình
LÁI XE VINASUN 2019





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Sự phát triển bền vững của doanh nghiệp không thể thiếu đi sự song hành với việc bảo vệ môi trường. Đặc biệt, vấn đề ô nhiễm môi trường do phương tiện giao thông vận tải đang là vấn đề được quan tâm của cả cộng đồng. Công ty luôn ý thức được rằng, việc bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội mà còn là nhân tố trực tiếp ảnh hưởng đến hình ảnh thương hiệu của Công ty.

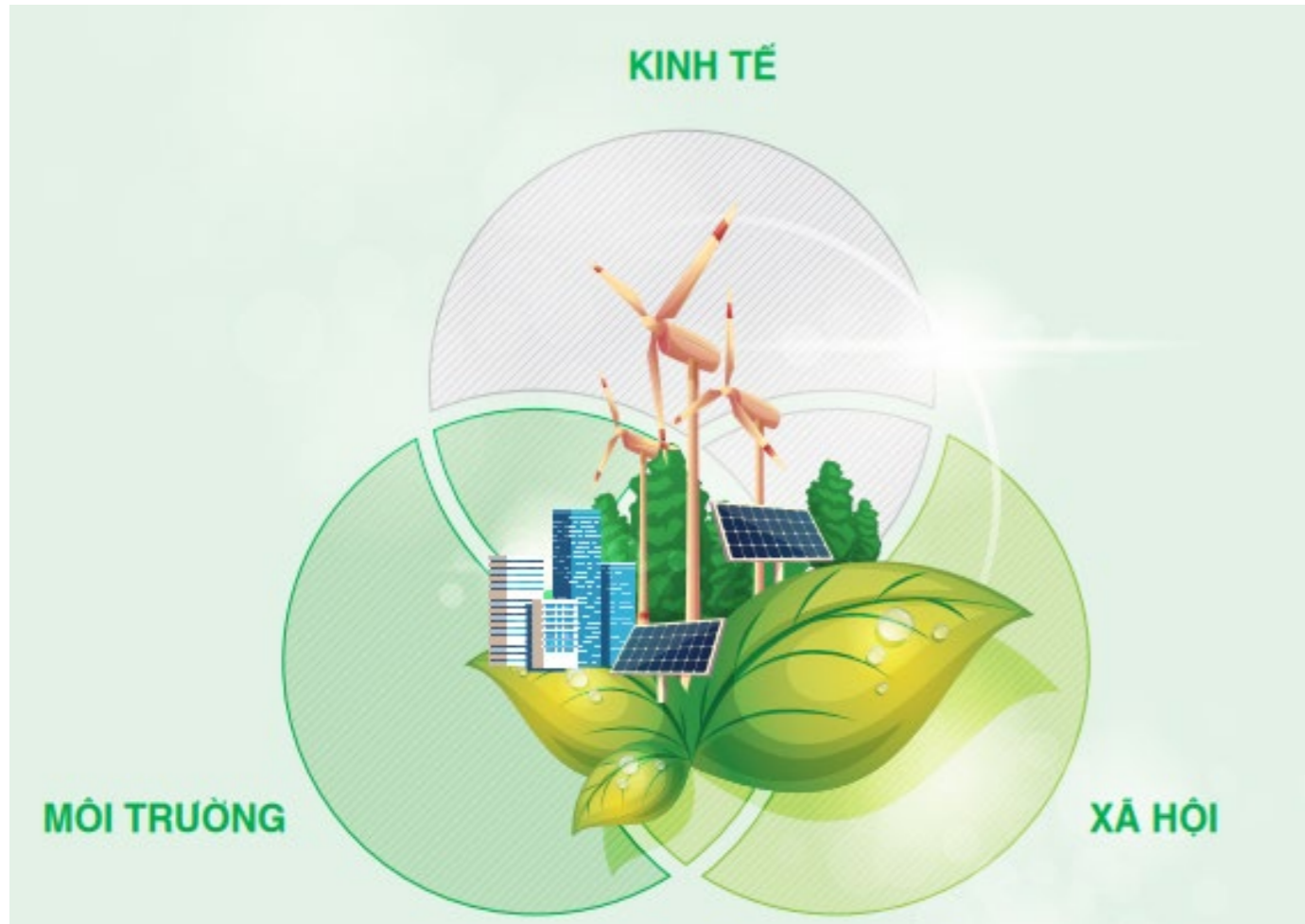
Trong quá trình kinh doanh, nguồn năng lượng mà công ty sử dụng chủ yếu là xăng, điện và nước. Do đó, Công ty đã thực hiện các chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường nhưng vẫn đạt hiệu quả kinh doanh. Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, VNS luôn chú ý đề ra các mục tiêu sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động.

Các loại xe đều được bảo dưỡng, kiểm tra thường xuyên để tránh xảy ra các sự cố về máy móc gây ảnh hưởng đến môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng mạnh dạn thanh lý xe cũ, đầu tư mua sắm xe mới với các dòng xe tiên tiến, tiết kiệm nguyên liệu trong quá trình vận hành. Trong năm công ty không bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)



Tiêu thụ năng lượng và nước

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường bộ nên Công ty luôn ý thức được rằng việc tiết kiệm năng lượng không chỉ giảm thiểu chi phí hoạt động cho Công ty mà còn giúp giảm các tác động đến môi trường xung quanh, đặc biệt trong thời điểm hiện tại khi môi trường đang là vấn đề nóng đối với toàn xã hội, liên hệ chặt chẽ đến hình ảnh và thương hiệu của doanh nghiệp nói chung và Vinasun nói riêng.

Trong năm qua, hầu hết các chỉ tiêu về năng lượng và nước của Công ty đều giảm so với năm 2018. Đặc biệt, chỉ tiêu về sản lượng xăng sử dụng bình quân mỗi xe đều giảm đáng kể nhờ vào Công ty đã thường xuyên cải tiến, bảo dưỡng, thay mới xe cũ trong năm.



Chỉ tiêu tiêu thụ năng lượng	Năm 2018	Năm 2019
Số lít xăng bình quân 1 ngày 1 chiếc vinasun 7 chỗ tiêu thụ	27	25
Số lít xăng bình quân 1 ngày 1 chiếc vinasun 4 chỗ tiêu thụ	21	19
Số m3 nước văn phòng Công ty dùng trong 1 tháng	657	642
Số Kwh điện/tháng phục vụ 24/24 của tổng đài và các bộ phận hỗ trợ	69.000	68.500



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp là nguồn nhân lực. Nhận thức được điều này, Công ty không chỉ chú trọng vào công tác đào tạo mà còn xây dựng các chính sách lương thưởng hợp lý, tạo dựng một môi trường làm việc an toàn, thân thiện và bình đẳng.

Hằng năm vào các ngày Lễ lớn, ngày Truyền thống của Công ty, Công đoàn phối hợp cùng các tổ chức như Hội Phụ Nữ, Đoàn thanh niên Công ty điều tổ chức các chương trình văn nghệ, thể thao nhằm giao lưu giữa các đơn vị trong và ngoài Công ty. Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức cuộc thi giao lưu văn nghệ **"Giọng ca vàng Vinasun 2019"**, mang lại niềm vui, giây phút giải tỏa cho người lao động.

Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức các buổi hội thao bóng đá, vừa là cơ hội để giao lưu với nhau, vừa là dịp để nâng cao sức khỏe, tinh thần. Các hoạt động của Công ty luôn được người lao động tham gia tích cực, góp phần tạo nên sự gắn bó giữa các thành viên trong Công ty.





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)

Công đoàn luôn luôn chăm lo đến đời sống cho người lao động, tham gia xây dựng các phương án, quy chế của Công ty. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở. Thường xuyên theo dõi nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động và đề xuất, tham mưu giải quyết kịp thời những vướng mắc.

Công ty cũng cố gắng tạo ra môi trường làm việc, thi đua công bằng. Hằng năm, Vinasun đều trao giải cho các tài xế có đóng góp tích cực nhất vào thành tích chung của Công ty.





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

Công ty nhận thức được một trong những yếu tố góp phần vào sự phát triển bền vững là có ý thức và thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng. Theo đó, công tác từ thiện xã hội luôn được Công ty quan tâm.

Hàng năm Công ty trích một phần kinh phí từ quỹ phúc lợi và vận động toàn thể CBCNV trích một khoản tiền lương để lập quỹ ủng hộ cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ quỹ vì người nghèo vùng bị bão lũ... Đây là một chủ trương hết sức đúng đắn, được người lao động trong Công ty tích cực hưởng ứng.



07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã VNS theo Quyết định số 81/2008/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lưu hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch	
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên	
Ông Trương Đình Quý	Thành viên	
Ông Trần Anh Minh	Thành viên	
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	
Ông Đoàn Hoài Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Đặng Công Luận	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Hồ Kim Trường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Văn Bắc	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng ban	
Bà Đỗ Thị Thâm Hoa	Thành viên	
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Trần Thanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sĩ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Đăng Thư	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đặng Thị Lan Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61059820/21093668-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1



Ngô Thị Thúy Hòa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		431.219.489.808	319.313.116.300
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	226.543.255.916	167.753.672.919
111	1. Tiền		82.543.255.916	53.753.672.919
112	2. Các khoản tương đương tiền		144.000.000.000	114.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		167.039.533.051	110.845.227.126
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	145.754.381.642	94.449.664.681
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.362.344.311	1.721.372.740
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	23.867.117.741	18.035.079.379
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(3.944.310.643)	(3.360.889.674)
140	III. Hàng tồn kho		15.738.638.172	19.406.419.454
141	1. Hàng tồn kho	7	15.738.638.172	19.406.419.454
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		21.898.062.669	21.307.796.801
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	20.500.538.067	20.114.440.775
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.064.571.478	841.961.533
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		332.953.124	351.394.493
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.198.378.276.971	2.400.991.772.917
210	I. Khoản phải thu dài hạn		65.354.645.200	3.201.560.200
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	62.280.587.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	3.074.058.200	3.201.560.200
220	II. Tài sản cố định		1.953.277.789.760	2.336.380.844.483
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.847.361.673.935	2.205.204.867.789
222	Nguyên giá		3.185.394.364.241	3.735.177.647.718
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.338.032.690.306)	(1.529.972.779.929)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	9	105.734.211.719	130.900.021.903
225	Nguyên giá		113.374.545.504	200.397.272.737
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.640.333.785)	(69.497.250.834)
227	3. Tài sản cố định vô hình		181.904.106	275.954.791
228	Nguyên giá		1.966.221.000	1.866.221.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.784.316.894)	(1.590.266.209)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		120.046.202.941	100.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	120.046.202.941	100.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		58.699.639.070	60.309.368.234
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	56.969.800.350	59.027.818.572
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	1.729.838.720	1.281.549.662
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.629.597.766.779	2.720.304.889.217

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		934.411.894.046	1.059.993.775.097
310	I. Nợ ngắn hạn		446.035.612.494	530.040.440.483
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	42.870.355.483	26.625.883.835
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.703.983.040	1.052.420.356
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	12.119.712.360	28.630.160.251
314	4. Phải trả người lao động		30.138.376.602	30.337.591.524
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	18.441.997.687	12.908.846.375
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	8.322.506.235	2.585.928.032
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	79.630.269.725	78.652.137.609
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	252.253.007.144	348.679.568.283
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		555.404.218	567.904.218
330	II. Nợ dài hạn		488.376.281.552	529.953.334.614
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	168.825.010.111	169.980.674.048
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	319.551.271.441	359.972.660.566
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.695.185.872.733	1.660.311.114.120
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.695.185.872.733	1.660.311.114.120
411	1. Vốn cổ phần	19.1	678.591.920.000	678.591.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		678.591.920.000	678.591.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	86.929.263.110	86.929.263.110
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển	19.1	268.688.372.802	270.863.162.669
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	649.746.966.401	612.812.238.718
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		612.812.238.718	595.088.101.599
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		36.934.727.683	17.724.137.119
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	11.229.350.420	11.114.529.623
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.629.597.766.779	2.720.304.889.217


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	21.1	1.991.231.779.491	2.073.348.684.153
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	22, 26	(1.566.337.736.731)	(1.658.850.602.885)
20	3. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ		424.894.042.760	414.498.081.268
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	9.268.198.782	3.940.063.422
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(42.396.017.194) (42.379.747.291)	(56.837.516.593) (56.837.516.593)
25	6. Chi phí bán hàng	24, 26	(200.247.903.125)	(212.226.404.642)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24, 26	(144.845.388.068)	(139.349.271.154)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.672.933.155	10.024.952.301
31	9. Thu nhập khác	25	93.718.123.774	105.577.089.898
32	10. Chi phí khác	25	(1.376.062.563)	(350.289.301)
40	11. Lợi nhuận khác	25	92.342.061.211	105.226.800.597
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		139.014.994.366	115.251.752.898
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(30.803.087.360)	(26.079.612.760)
52	14. Chu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.3	448.289.058	(88.847.150)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		108.660.196.064	89.083.292.988
61	16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		108.537.393.072	87.858.056.658
62	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		122.802.992	1.225.236.330
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.591.030.203.552	1.279
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	1.591.030.203.552	1.279

Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập

Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng

Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		139.014.994.366	115.251.752.898
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	8, 9	440.465.407.867	477.636.981.362
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		282.210.165	(336.845.368)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(53.965.039.178)	(52.442.620.377)
06	Chi phí lãi vay	23	42.379.747.291	56.837.516.593
07	Điều chỉnh khác		(3.250.000.000)	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		564.927.320.511	596.946.785.108
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.041.465.548)	9.472.845.666
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		3.667.781.282	(1.814.824.786)
11	Giảm các khoản phải trả		(3.954.562.324)	(43.845.431.667)
12	Giảm chi phí trả trước		1.671.920.930	12.247.129.274
14	Tiền lãi vay đã trả		(42.876.528.700)	(57.419.486.488)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(35.607.551.780)	(29.032.198.810)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.688.745.451)	(2.656.091.861)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		483.098.168.920	483.898.726.436
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(291.767.057.389)	(491.029.126.337)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		171.774.749.277	153.363.409.054
27	Lãi tiền gửi nhận được		9.022.776.283	3.935.493.636
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(110.969.531.829)	(333.730.223.647)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18.3	124.339.800.000	356.714.700.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	18.3	(338.590.730.414)	(402.409.598.112)
35	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	18.3	(31.020.719.850)	(34.584.573.526)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(68.067.403.830)	(54.269.250.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(313.339.054.094)	(134.548.722.538)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		58.789.582.997	15.619.780.251
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		167.753.672.919	152.133.892.668
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	226.543.255.916	167.753.672.919



Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4103001723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/2008/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5.790 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.761).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số đầu năm và số cuối năm	
			Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	90%	90%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán phụ tùng ô tô với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu, liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Khen thưởng, phúc lợi*

Khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu nhượng quyền thương mại và khai thác taxi

Doanh thu được ghi nhận dựa trên mức phí cố định hằng ngày trong suốt thời gian hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng. Các hoạt động kinh doanh này của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu là từ dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	25.919.319.443	24.159.421.987
Tiền gửi ngân hàng	56.600.159.647	29.591.222.172
Tiền đang chuyển	23.776.826	3.028.760
Các khoản tương đương tiền (*)	144.000.000.000	114.000.000.000
TỔNG CỘNG	226.543.255.916	167.753.672.919

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,7%/năm đến 5,0%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu khách hàng dùng thẻ taxi	81.588.942.669	81.931.012.949
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	54.771.800.000	612.500.000
Phải thu tài xế liên quan đến nhượng quyền thương mại và khai thác taxi	2.716.644.000	2.698.320.000
Phải thu tài xế taxi về tiền thu khách vắng lái	1.574.668.800	2.779.457.900
Khác	5.102.326.173	6.428.373.832
	145.754.381.642	94.449.664.681
Dài hạn		
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	62.280.587.000	-
TỔNG CỘNG	208.034.968.642	94.449.664.681
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.350.296.128)	(1.199.917.910)
GIÁ TRỊ THUẦN	206.684.672.514	93.249.746.771

Tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.199.917.910	1.092.527.523
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	151.837.746	136.696.972
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.459.528)	(29.306.585)
Số cuối năm	1.350.296.128	1.199.917.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	23.867.117.741	18.035.079.379
Tạm ứng cho nhân viên	6.688.594.466	5.440.300.266
Phải thu liên quan đến thuế giá trị gia tăng thuê tài chính	6.282.363.614	-
Phải thu hộ liên quan đến bán vé máy bay	3.386.009.568	3.412.003.042
Ký quỹ, ký cược	2.320.660.000	2.499.262.000
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải thu tài xế và nhân viên	1.300.677.626	388.614.441
Phải thu khác từ tài xế và nhân viên	249.922.151	2.671.415.113
Khác	3.638.890.316	3.623.484.517
Dài hạn	3.074.058.200	3.201.560.200
Ký quỹ, ký cược	3.074.058.200	3.201.560.200
TỔNG CỘNG	26.941.175.941	21.236.639.579
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.594.014.515)	(2.160.971.764)
GIÁ TRỊ THUẦN	24.347.161.426	19.075.667.815

7. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị phụ tùng chưa xuất dùng vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	8.035.792.448	3.723.682.118.191	3.459.737.079	3.735.177.647.718
Mua mới trong năm	-	223.173.402.600	224.270.000	223.397.672.600
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	164.200.909.081	-	164.200.909.081
Thanh lý	-	(937.381.865.158)	-	(937.381.865.158)
Số cuối năm	8.035.792.448	3.173.674.564.714	3.684.007.079	3.185.394.364.241
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	6.377.246.812	29.475.872.802	749.018.719	36.602.138.333
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	6.757.939.335	1.521.460.775.016	1.754.065.578	1.529.972.779.929
Khấu hao trong năm	862.409.773	424.623.268.925	877.361.523	426.363.040.221
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	75.765.234.010	-	75.765.234.010
Thanh lý	-	(694.068.363.854)	-	(694.068.363.854)
Số cuối năm	7.620.349.108	1.327.780.914.097	2.631.427.101	1.338.032.690.306
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.277.853.113	2.202.221.343.175	1.705.671.501	2.205.204.867.789
Số cuối năm	415.443.340	1.845.893.650.617	1.052.579.978	1.847.361.673.935
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 18)	-	1.106.895.628.662	-	1.106.895.628.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
Phương tiện vận tải	
Nguyên giá:	
Số đầu năm	200.397.272.737
Thuê mới trong năm	77.178.181.848
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(164.200.909.081)
Số cuối năm	113.374.545.504
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	69.497.250.834
Khấu hao trong năm	13.908.316.961
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(75.765.234.010)
Số cuối năm	7.640.333.785
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	130.900.021.903
Số cuối năm	105.734.211.719

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Số dư này thể hiện giá trị của phương tiện vận tải đang trong quá trình lắp đặt các thiết bị để sẵn sàng đưa vào sử dụng cho dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	20.500.538.067	20.114.440.775
Bảo hiểm vật chất xe	13.601.540.875	13.848.788.157
Phí bảo trì đường bộ	2.689.096.167	3.217.460.167
Khác	4.209.901.025	3.048.192.451
Dài hạn	56.969.800.350	59.027.818.572
Tiền thuê văn phòng trả trước (*)	49.832.508.808	51.143.890.624
Công cụ, dụng cụ	5.743.820.150	3.570.871.996
Khác	1.393.471.392	4.313.055.952
TỔNG CỘNG	77.470.338.417	79.142.259.347

(*) Đây là khoản tiền trả trước tiền thuê văn phòng của Công ty tại Số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho nhà cung cấp xe	21.193.800.000	-
Nhà cung cấp vật tư phụ tùng	11.538.035.492	14.238.259.378
Bảo hiểm xe	2.401.906.751	643.941.495
Tiếp thị	1.577.922.414	1.490.902.910
Nhà cung cấp xăng	790.829.694	4.100.970.596
Nhà cung cấp khác trong nước	5.367.861.132	6.151.809.456
TỔNG CỘNG	42.870.355.483	26.625.883.835

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.153.504.459	30.803.087.360	(35.607.551.780)	7.349.040.039
Thuế thu nhập cá nhân	2.057.802.450	4.650.735.190	(3.958.513.279)	2.750.024.361
Thuế giá trị gia tăng	14.418.853.342	147.571.389.777	(159.969.595.159)	2.020.647.960
Thuế khác	-	39.800.000	(39.800.000)	-
TỔNG CỘNG	28.630.160.251	183.065.012.327	(199.575.460.218)	12.119.712.360

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng thứ 13 và thưởng	16.273.039.305	12.805.285.322
Khác	2.168.958.382	103.561.053
TỔNG CỘNG	18.441.997.687	12.908.846.375

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho thuê thiết bị và nhãn hiệu	7.483.414.064	1.807.296.106
Khác	839.092.171	778.631.926
TỔNG CỘNG	8.322.506.235	2.585.928.032

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	68.251.877.970	68.460.089.800
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	2.722.732.512	2.030.632.764
Chi phí lãi vay	2.557.325.818	3.054.107.227
Bảo hiểm vật chất xe	1.627.431.923	887.956.372
Khác	4.470.901.502	4.219.351.446
TỔNG CỘNG	79.630.269.725	78.652.137.609

17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	107.404.026.447	110.576.235.857
Nhận ký quỹ từ khách hàng	53.814.446.160	51.496.689.883
Dự phòng trợ cấp thôi việc	6.106.537.504	6.407.748.308
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	168.825.010.111	169.980.674.048

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	218.055.082.148	323.994.146.491
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	34.197.924.996	24.685.421.792
	252.253.007.144	348.679.568.283
Dài hạn		
Vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	228.685.090.187	336.996.956.258
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 18.2)	90.866.181.254	22.975.704.308
	319.551.271.441	359.972.660.566
TỔNG CỘNG	571.804.278.585	708.652.228.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.1 Vay dài hạn từ các ngân hàng

Nhóm Công ty đã vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại để mua phương tiện vận tải phục vụ cho việc kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi. Chi tiết các khoản vay dài hạn này được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo
<i>Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam</i>				
- Khoản vay số 1	129.115.230.445	từ ngày 17 tháng 1 năm 2020 đến ngày 1 tháng 8 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ 2%	993 xe
- Khoản vay số 2	56.249.319.090	từ ngày 16 tháng 1 năm 2020 đến ngày 13 tháng 7 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ 1,5%	260 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Ngoại thương Việt Nam	160.297.354.168	từ ngày 26 tháng 1 năm 2020 đến ngày 16 tháng 12 năm 2023	Lãi suất cơ sở+ biên độ tối thiểu 2%	457 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	39.676.153.101	từ ngày 15 tháng 1 năm 2020 đến ngày 5 tháng 3 năm 2022	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1,5%	215 xe
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	23.325.877.531	từ ngày 21 tháng 1 năm 2020 đến ngày 23 tháng 11 năm 2020	Lãi suất cơ bản + biên độ từ 1%	239 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	23.129.450.000	từ ngày 10 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022	Lãi suất cơ sở + biên độ tối thiểu 2 - 2,8%	291 xe
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	14.946.788.000	từ ngày 10 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023	Lãi suất tiền gửi + biên độ từ 2%	60 xe
TỔNG CỘNG	446.740.172.335			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn	228.685.090.187			
Vay dài hạn đến hạn trả	218.055.082.148			

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Nợ thuê tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	
Dưới 1 năm	43.909.912.684	9.711.987.688	27.593.670.928	2.908.249.136	24.685.421.792
Từ 1 - 5 năm	102.346.723.008	11.480.541.754	25.293.675.862	2.317.971.554	22.975.704.308
TỔNG CỘNG	146.256.635.692	21.192.529.442	52.887.346.790	5.226.220.690	47.661.126.100
18.3 Tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính					
Tinh hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:					
	Số đầu năm		Đã trả trong năm		Số cuối năm
	VND		VND		VND
Vay ngân hàng	660.991.102.749	124.339.800.000	(338.590.730.414)	446.740.172.335	
Nợ thuê tài chính	47.661.126.100	108.423.700.000	(31.020.719.850)	125.064.106.250	
TỔNG CỘNG	708.652.228.849	232.763.500.000	(369.611.450.264)	571.804.278.585	

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	270.076.778.353	595.088.101.599	1.630.686.063.062
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	87.858.056.658	87.858.056.658
Phân phối lợi nhuận	-	-	786.384.316	(786.384.316)	-
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.375.980.089)	(1.375.980.089)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(67.859.192.000)	(67.859.192.000)
Giảm khác	-	-	-	(112.363.134)	(112.363.134)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	270.863.162.669	612.812.238.718	1.649.196.584.497
Năm nay					
Số đầu năm	678.591.920.000	86.929.263.110	270.863.162.669	612.812.238.718	1.649.196.584.497
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	108.537.393.072	108.537.393.072
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.075.210.133	(1.075.210.133)	-
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(67.859.192.000)	(67.859.192.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(3.250.000.000)	-	(3.250.000.000)
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.684.654.949)	(1.684.654.949)
Thù lao của Ban Điều hành	-	-	-	(391.608.307)	(391.608.307)
Giảm khác	-	-	-	(592.000.000)	(592.000.000)
Số cuối năm	678.591.920.000	86.929.263.110	268.688.372.802	649.746.966.401	1.683.956.522.313

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và số cuối năm	678.591.920.000	678.591.920.000
Cổ tức		
Cổ tức đã tạm trích/công bố	67.859.192.000	67.859.192.000
Cổ tức đã trả	68.067.403.830	54.269.250.900

19.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	67.859.192
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	67.859.192	67.859.192

20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Vốn điều lệ đã góp	4.000.000.000	4.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.229.350.420	7.114.529.623
TỔNG CỘNG	11.229.350.420	11.114.529.623

Chi tiết tình hình tăng (giảm) lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	11.114.529.623	10.847.930.159
Lợi nhuận thuần trong năm	122.802.992	1.225.236.330
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	(7.982.195)	(19.640.361)
Khác	-	(938.996.505)
Số cuối năm	11.229.350.420	11.114.529.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	1.727.682.767.442	1.777.163.631.455
Doanh thu từ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	240.552.088.918	271.623.290.503
Khác	22.996.923.131	24.561.762.195
TỔNG CỘNG	1.991.231.779.491	2.073.348.684.153

(*) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi bao gồm doanh thu từ các phương thức: dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	9.123.904.205	3.935.493.636
Khác	144.294.577	4.569.786
TỔNG CỘNG	9.268.198.782	3.940.063.422

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi (*)	1.342.866.192.655	1.418.969.552.923
Giá vốn dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	203.031.523.256	217.393.953.817
Khác	20.440.020.820	22.487.096.145
TỔNG CỘNG	1.566.337.736.731	1.658.850.602.885

(*) Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi bao gồm giá vốn từ vận tải hành khách bằng taxi, nhượng quyền và hợp tác để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	42.379.747.291	56.837.516.593
Khác	16.269.903	-
TOTAL	42.396.017.194	56.837.516.593

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	200.247.903.125	212.226.404.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.409.479.484	123.151.430.502
Chi phí nhân viên	73.818.124.510	79.872.314.445
Khác	6.020.299.131	9.202.659.695
Chi phí quản lý doanh nghiệp	144.845.388.068	139.349.271.154
Chi phí nhân viên	88.082.067.719	85.813.748.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.437.206.320	38.240.021.963
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.371.484.715	3.587.672.283
Khác	12.954.629.314	11.707.828.718
TỔNG CỘNG	345.093.291.193	351.575.675.796

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	93.718.123.774	105.577.089.898
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	44.841.134.973	48.507.126.741
Thu nhập từ quảng cáo trên taxi	40.248.863.196	44.508.773.547
Khác	8.628.125.605	12.561.189.610
Chi phí khác	(1.376.062.563)	(350.289.301)
LỢI NHUẬN KHÁC	92.342.061.211	105.226.800.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	816.097.274.402	856.430.177.220
Chi phí khấu hao và hao mòn	440.465.407.867	477.636.981.362
Chi phí phụ tùng và nhiên liệu	366.713.342.852	379.351.098.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.551.330.242	237.042.594.712
Khác	60.603.672.561	59.965.426.747
TỔNG CỘNG	1.911.431.027.924	2.010.426.278.681

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.803.087.360	26.079.612.760
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(448.289.058)	88.847.150
TỔNG CỘNG	30.354.798.302	26.168.459.910

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	139.014.994.366	115.251.752.898
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	27.802.998.873	23.050.350.580
Chi phí không được khấu trừ	2.551.799.429	3.118.109.330
Chi phí thuế TNDN	30.354.798.302	26.168.459.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.221.307.501	1.281.549.662	(60.242.161)	(88.847.150)	
Trích trước chi phí quà tặng và thưởng	508.531.219	-	508.531.219	-	
TỔNG CỘNG	1.729.838.720	1.281.549.662	448.289.058	(88.847.150)	

28. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.683.240.000	5.128.954.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	107.945.393.072	86.787.056.658
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	107.945.393.072	86.787.056.658
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	67.859.192	67.859.192
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
<i>Lãi cơ bản và lãi suy giảm</i>	1.591	1.279

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán.


30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG


Nhóm Công ty hiện đang thuê một số văn phòng và xưởng sửa chữa xe theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước
Dưới 1 năm	10.948.109.798	10.329.505.038
Từ 1 đến 5 năm	30.581.080.867	23.525.995.269
TỔNG CỘNG	41.529.190.665	33.855.500.307

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Thái Thị Mộng Tuyền
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Công ty cổ phần Ánh Dương Việt Nam

TP.HCM, ngày 18 tháng 04 năm 2020

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT


TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Thị Lan Phương